

Số: 40/KH-UBND

Văn Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”

Căn cứ Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 12/01/2022 của Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII; Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” (sau đây viết tắt là Kết luận số 21-KL/TW; Kế hoạch số 03-KH/TW);

Thực hiện Công văn 546/UBND-NC ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 12/01/2022 của Tỉnh ủy Hưng Yên; Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

- Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa “xây” và “chống”, xây là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, chống là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên.

- Nhận thức sâu sắc tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình hiện nay; nâng cao trách nhiệm, ý thức hành động, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, tạo bước chuyển biến rõ nét, hiệu quả, thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

2. Yêu cầu

- Kế thừa, phát huy những kết quả, kinh nghiệm đạt được, quyết tâm khắc phục hạn chế, yếu kém qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, từ đó tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đồng bộ mục tiêu, quan điểm và các giải pháp được nêu trong Kết luận số 21-KL/TW.

- Các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt Kết luận số 21-KL/TW bằng hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng cấp, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần nắm vững các nội dung cơ bản của Kết luận, từ đó xác định phương hướng, trách nhiệm của bản thân trong rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Kết luận số 21-KL/TW gắn với thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng; giữ vững ổn định chính trị, đoàn kết nội bộ; tăng cường niềm tin của quần chúng, nhân dân đối với Đảng, làm cho Đảng ngày càng gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin tưởng.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Chính quyền các cấp; các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong huyện thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Kết luận số 21-KL/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương trong các cơ quan, đơn vị trong huyện. Mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn huyện về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

2. Căn cứ nội dung Kết luận số 21-KL/TW, Hướng dẫn số 03-HD/TW, Kế hoạch 64-KH/TU, xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận gắn với việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội XXV Đảng bộ huyện và nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các nghị quyết, chương trình, đề án của cấp mình, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu của cá nhân; xây dựng chế độ học tập bồi dưỡng lý luận chính trị định kỳ, thường xuyên đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với từng vị trí công tác trong bộ máy quản lý nhà nước.

4. Thực hiện nghiêm việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng gắn với tu dưỡng, rèn luyện, nêu gương của cán bộ, đảng viên. Những nơi có biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, biểu hiện “lợi ích nhóm”, tham nhũng, tiêu cực, dư luận bức xúc, có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” thì phải kịp thời xem xét, gợi ý, chỉ đạo kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm, xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; đồng thời, chú trọng kiểm tra, giám sát việc sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của cấp dưới và tổ chức, cá nhân liên quan; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật Đảng.

5. Tiếp tục thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên lãnh đạo trong các cơ quan, đơn vị theo quy định.

6. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tính chiến đấu trong công tác và sinh hoạt đảng; khắc phục tình trạng chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, mất đoàn kết, nể nang, né tránh; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, lợi ích nhóm.

7. Thực hiện tốt các quy định về công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ. Xây dựng Kế hoạch thực hiện có hiệu quả Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

8. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tăng cường xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp và những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội quan tâm; xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm, khắc phục hậu quả, thu hồi tài sản thất thoát; thực hiện kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

9. Người đứng đầu chính quyền các cấp thực hiện nghiêm quy định tiếp công dân; chỉ đạo, xử lý kịp thời, hiệu quả những kiến nghị, phản ánh, khiếu kiện của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

10. Tập trung rà soát, bổ sung, cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, các ngành bảo đảm sự thống

nhất, đồng bộ giữa các quy định, khả thi, công khai, minh bạch, không để bị tác động, chi phối bởi các hành vi không lành mạnh hoặc lồng ghép “lợi ích nhóm”, lợi ích cục bộ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng và ban hành các văn bản.

11. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch, nhất là bám sát nội dung nêu trong Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 12/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên.

2. Giao phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản về cán bộ và công chức, viên chức thuộc diện Ủy ban nhân dân huyện quản lý theo tinh thần Kết luận số 21-KL/TW và các quy định có liên quan, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm công chức, viên chức.

3. Giao Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động của công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, xử lý dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tập trung đông người, gây bức xúc trong dư luận.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Văn
Giăng
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 24/03/2022 15:44:16

Chu Quốc Hiệu

Số: 41 /KH-UBND

Văn Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-CTUBND ngày 04/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; tăng cường công tác quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế; trong đó yêu cầu định kỳ thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định, tập trung thực hiện ở một số ngành, lĩnh vực, vị trí dễ phát sinh tiêu cực;

Căn cứ Thông báo số 310-TB/HU ngày 24/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện;

Để thực hiện đúng quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; Trên cơ sở tình hình thực tế đội ngũ công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn, UBND huyện xây dựng Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn (*sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị*) thuộc UBND huyện quản lý, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI

1. Mục đích

- Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức là một trong những biện pháp nhằm chủ động phòng ngừa các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị; đồng thời nhằm sắp xếp, bố trí công chức, viên chức phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo và nhu cầu thực tế của từng cơ quan, đơn vị; phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả trong công việc của từng công chức, viên chức;

- Việc chuyển đổi vị trí công tác hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao, thực tiễn phong phú, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tạo điều kiện cho công chức,

viên chức có điều kiện tiếp xúc nhiều lĩnh vực công việc, địa bàn khác nhau nhằm phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ và trưởng thành trong công tác.

2. Yêu cầu

- Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch, khoa học, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách; chống biểu hiện bè phái, chủ nghĩa cá nhân; không gây mất đoàn kết nội bộ, không làm xáo trộn sự ổn định trong hoạt động của cơ quan, đơn vị;

- Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo sát với thực tế, có tính khả thi và hiệu quả thiết thực.

3. Nguyên tắc

- Việc chuyển đổi vị trí công tác là quy định bắt buộc, thường xuyên, áp dụng đối với công chức, viên chức được bố trí vào các vị trí công tác thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP;

- Thực hiện đúng nguyên tắc hoán vị, không làm tăng hoặc giảm biên chế của cơ quan, đơn vị;

- Việc chuyển đổi được tiến hành theo Kế hoạch, công bố công khai trong nội bộ cơ quan, đơn vị và gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị;

- Không lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác vì mục đích vụ lợi hoặc trù dập công chức, viên chức;

- Coi trọng công tác tư tưởng, làm cho công chức, viên chức thông suốt về tư tưởng, thống nhất nhận thức để tự giác thực hiện; công chức, viên chức phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của Chủ tịch UBND huyện và sự phân công, bố trí của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THẨM QUYỀN, DANH MỤC LĨNH VỰC CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Đối tượng thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: Là công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đang làm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các vị trí lĩnh vực quy định phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, đơn vị, gồm:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước được giao biên chế;
- UBND các xã, thị trấn.

1.2. Những trường hợp chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác

- Công chức, viên chức đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật; đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra hoặc có liên quan đến công việc đang bị thanh tra, kiểm tra;

- Công chức, viên chức đang điều trị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; người đi học dài hạn (từ 12 tháng trở lên) hoặc được cử đi biệt phái;

- Công chức, viên chức nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khách quan khác.

- Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND huyện quyết định.

1.3. Những trường hợp không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác

Công chức, viên chức có thời gian công tác còn lại dưới 24 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định (tính đến thời điểm chuyển đổi).

2. Nội dung và hình thức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

2.1. Nội dung chuyển đổi

- Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, từ bộ phận này sang bộ phận khác cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách. Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác từ cơ quan, đơn vị này sang cơ quan, đơn vị khác trong phạm vi quản lý của UBND huyện;

- Việc định kỳ chuyển đổi được xác định kể từ ngày quyết định tuyển dụng chính thức của công chức, viên chức hoặc thời gian chính thức nhận nhiệm vụ ở vị trí công tác phải chuyển đổi đến ngày thực hiện chuyển đổi;

- Trong trường hợp đặc biệt: Đối với cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ có 01 vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác mà vị trí này có yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của cơ quan, đơn vị, địa phương đó, thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp thực hiện Kế hoạch chuyển đổi chung.

2.2. Hình thức chuyển đổi

Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng việc ban hành quyết định điều động, bố trí công chức, viên chức theo nội dung thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác.

3. Thời hạn chuyển đổi

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ 02 năm (đủ 24 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

4. Danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi

4.1. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện

a) Văn phòng HĐND và UBND huyện:

- Vị trí làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
- Vị trí trực tiếp tham mưu cấp giấy chứng nhận vệ sinh, an toàn thực phẩm;

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý hành nghề y, dược mỹ phẩm, dụng cụ, thiết bị vật tư y tế; theo dõi, giám sát các loại sản phẩm chăm sóc sức khỏe con người và lợi ích xã hội.

b) Phòng Nội vụ:

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định nhân sự đề trình cấp thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Vị trí trực tiếp tham mưu tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật;

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Vị trí trực tiếp tham mưu phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

d) Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Vị trí trực tiếp tham mưu cấp giấy phép trong lĩnh vực xây dựng;

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định dự án xây dựng;

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý quy hoạch, quản lý giám sát chất lượng công trình xây dựng;

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý các công trình giao thông.

đ) Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Vị trí trực tiếp tham mưu công tác tuyển sinh, đào tạo thuộc các trường công lập.

- Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định các đề án cho phép thành lập, hợp nhất, chia tách các trường công lập, tư thục thuộc thẩm quyền của UBND huyện.

e) Phòng Văn hóa và Thông tin:

Vị trí trực tiếp tham mưu thực hiện các nhiệm vụ: Thẩm định, phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ di tích; triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh; các loại giấy phép thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin.

g) Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội:

Vị trí trực tiếp tham mưu thẩm định hồ sơ người có công; phê duyệt, cấp phát kinh phí ưu đãi đối với người có công.

h) Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Vị trí trực tiếp tham mưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất;

- Vị trí trực tiếp tham mưu xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất;

- Vị trí trực tiếp tham mưu quản lý việc áp dụng đền bù, xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng bồi thường, được hỗ trợ; mức bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng.

i) Phòng Tư pháp:

Vị trí trực tiếp tham mưu thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực: đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; cải chính tư pháp, chứng nhận tư pháp.

k) Thanh tra huyện:

Vị trí làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

l) Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện:

Vị trí trực tiếp tham mưu, theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản.

4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện.

Vị trí kế toán.

4.3. Đối với UBND xã, thị trấn

a) Vị trí công chức Tài chính - Kế toán;

b) Vị trí công chức theo dõi Địa chính - Xây dựng và Môi trường (*đối với xã*); Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (*đối với thị trấn*);

c) Vị trí công chức Tư pháp - Hộ tịch;

d) Vị trí công chức Văn hóa- Xã hội: thực hiện nhiệm vụ về Lao động, Thương binh và Xã hội, y tế giáo dục.

III. LỘ TRÌNH, THỜI GIAN, QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI

1. Lộ trình, thời gian thực hiện:

1.1. Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp:

Thường xuyên chuyển đổi theo quy định.

1.2. Đối với các xã, thị trấn

1.2.1. Năm 2022:

- Thực hiện chuyển đổi vị trí đối với các chức danh công chức theo dõi Địa chính - Xây dựng và Môi trường (*đối với xã*); Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (*đối với thị trấn*) và công chức Tư pháp - Hộ tịch;

- UBND các xã, thị trấn rà soát, lập danh sách công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc vị trí phải chuyển đổi, gửi về UBND huyện trước ngày **10/4/2022**.

1.2.2. Từ năm 2023 trở đi:

- Thực hiện chuyển đổi vị trí đối với các chức danh trong danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi;

- Trong quý I năm 2023, thực hiện chuyển đổi vị trí đối với chức danh công chức Tài chính - Kế toán cấp xã.

2. Quy trình chuyển đổi vị trí công tác

- *Bước 1:* Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, lập danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện chuyển đổi vị trí công tác thuộc danh mục định kỳ phải chuyển đổi của năm sau báo cáo UBND huyện;

- *Bước 2:* Phòng Nội vụ tổng hợp danh sách, tham mưu phương án chuyển đổi vị trí công tác đối với các công chức, viên chức theo phương thức chuyển trong nội bộ cơ quan hoặc chuyển từ cơ quan, đơn vị này sang cơ quan, đơn vị khác trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, quyết định;

- *Bước 3:* UBND huyện thông báo danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi vị trí công tác để công chức, viên chức được biết trước 30 ngày khi bắt đầu chuyển đổi vị trí công tác theo quy định;

- *Bước 4:* Trên cơ sở danh sách đã thông báo, UBND huyện ban hành quyết định điều động hoặc thông báo chuyển đổi vị trí công tác theo quy định;

- *Bước 5:* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gặp mặt, giao nhiệm vụ cho công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác. Thông báo cho công chức, viên chức được phân công nhiệm vụ mới, nhận bàn giao công việc từ công chức, viên chức tiền nhiệm (*thời gian xong trước ngày được chuyển công tác*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm:

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt triển khai các quy định thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, quy định danh mục các vị trí công tác phải chuyển đổi theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ và các nội dung theo Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị;

- Hàng năm, thực hiện việc rà soát, lập danh sách công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề quy định phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (*theo mẫu gửi kèm*) báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Nội vụ tổng hợp*) trước ngày 31/12 hàng năm, để xây dựng phương án chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định;

- Tổ chức thực hiện công tác bàn giao đảm bảo đúng quy định;

- Hàng năm, tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của công chức, viên chức được chuyển đổi và báo cáo kết quả đánh giá về UBND huyện để theo dõi, quản lý theo quy định.

2. Công chức, viên chức thuộc diện phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác có trách nhiệm:

- Nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động hoặc thông báo chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan có thẩm quyền;

- Bàn giao công việc, tiếp nhận công việc mới theo đúng quy định và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở vị trí công tác mới;

- Trường hợp không chấp hành quyết định, gây cản trở, khó khăn cho vị trí công tác sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn ngành dọc cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc bàn giao theo đúng thời gian quy định.

4. Giao Phòng Nội vụ:

- Tham mưu giúp UBND huyện triển khai các văn bản của cấp trên về thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và nội dung Kế hoạch này;

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này đúng mục đích, yêu cầu và các quy định của pháp luật hiện hành;

- Tổng hợp, thẩm định danh sách, tham mưu phương án sắp xếp và chuyển đổi vị trí công tác đối với các công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, quyết định;

5. Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh, Trang thông tin điện tử huyện thường xuyên tuyên truyền công khai nội dung Kế hoạch này để các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức biết và thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, phản ánh về UBND huyện để được xem xét, giải quyết kịp thời và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, NV *lưu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Quốc Hiệu

Số: 50 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo
của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Nghị định số 71/2020/NĐ-CP); Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định tuổi nghỉ hưu; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2021-2025) – sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 84/KH-UBND;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và Điều lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

2. Nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hiệu quả công tác giảng dạy, quản lý của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh; đồng thời triển khai có hiệu quả, đạt chỉ tiêu thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022 đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 84/KH-UBND của UBND tỉnh.

3. Làm căn cứ để Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO

1. Đối tượng

Giáo viên, cán bộ quản lý (sau đây gọi chung là giáo viên) cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng thực hiện nâng trình độ

chuẩn được đào tạo theo Kế hoạch số 84/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Số lượng

Thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022 cho 344 giáo viên, gồm:

- Mầm non: 28 giáo viên;
- Tiểu học: 148 giáo viên;
- Trung học cơ sở: 168 giáo viên.

(Chi tiết tại các Phụ lục từ 1 đến 11 kèm theo).

3. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

III. THỜI GIAN, HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thời gian: Cử đi học trong các năm 2021, 2022.

2. Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.

3. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cơ sở đào tạo giáo viên

UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non; chủ động phối hợp với UBND cấp huyện lựa chọn trường đại học có đủ điều kiện để tổ chức đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên cấp tiểu học, trung học cơ sở.

UBND tỉnh giao UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên đặt hàng với trường đại học nâng trình độ chuẩn giáo viên cấp tiểu học và trung học cơ sở theo quy định hiện hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn cho giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo.

Kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non đã được đảm bảo trong kinh phí chi thường xuyên năm 2022 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên.

Kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở công lập đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2022 của UBND huyện, thị xã, thành phố.

2. Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục tự bảo đảm kinh phí sử dụng từ nguồn thu hợp pháp của nhà trường để chi trả các chế độ cho giáo viên của đơn vị được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn theo đúng quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối, thường trực giúp UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện lộ trình của các địa phương và các cơ sở đào tạo giáo viên; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp cần thiết;

- Phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu đề ra;

- Phối hợp với cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Chủ trì tổng hợp báo cáo kết quả đào tạo nâng chuẩn với UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Bố trí dự toán kinh phí, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nâng trình độ chuẩn cho giáo viên các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn UBND cấp huyện quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo giáo viên; thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành;

- Phối hợp kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ; các sở, ngành có liên quan

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 84/KH-UBND và Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tại địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên thực hiện khoản 3 Mục III của Kế hoạch này;

- Căn cứ quy định pháp luật và Kế hoạch này, tổ chức rà soát điều kiện, tiêu chuẩn, thông báo danh sách cử giáo viên đi đào tạo nâng trình độ chuẩn đến các cơ sở giáo dục để giáo viên, cơ sở giáo dục chủ động trong thực hiện kế hoạch của nhà trường;

- Ban hành văn bản cử giáo viên đi đào tạo nâng trình độ chuẩn theo thông báo mở lớp của cơ sở đào tạo giáo viên; thông báo trúng tuyển, nhập học của cơ sở đào tạo cho giáo viên được cử đi đào tạo;

- Thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành;

- Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) về việc thực hiện kế hoạch nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên năm 2022 của địa phương.

5. Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên

Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo Kế hoạch số 84/KH-UBND và Kế hoạch này;

Chủ động phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát hợp đồng với cơ sở đào tạo giáo viên thực hiện kế hoạch nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên theo quy định hiện hành;

Gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên năm 2022 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Quá trình triển khai Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: GDĐT, Tài chính, Nội vụ;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trường CĐ Cộng đồng Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 1:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS
1	TP. Hưng Yên	35	1	21	13
2	Tiên Lữ	38	0	26	12
3	Phù Cừ	17	1	10	6
4	Kim động	29	1	17	11
5	Ân Thi	16	1	1	14
6	Yên Mỹ	26	6	10	10
7	TX. Mỹ Hào	45	7	21	17
8	Văn lâm	72	5	17	50
9	Văn Giang	15	0	9	6
10	Khoái Châu	51	6	16	29
11	Sở Giáo dục và Đào tạo (THCS, THPT Hoàng Hoa Thám)	0	0	0	0
	Tổng số	344	28	148	168

nb

PHỤ LỤC 2:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Thành phố Hưng Yên
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I MẦM NON						
1	Võ Thị Hạnh	07/05/1977	Nữ	MN Lê Hồng Phong	Trung cấp	GD mầm non
II TIỂU HỌC						
1	Trần Ngọc Đức	20.5.1988	Nam	TH An Tào	Trung cấp	Thể chất
2	Phạm Thị Lành	15.02.1978	Nữ	TH An Tào	Trung cấp	Văn hóa
3	Nguyễn Thị Cẩm Ly	03.05.1989	Nữ	TH Hồng Châu	Trung cấp	Thể chất
4	Trần Thị Tuyết	18.3.1972	Nữ	TH Lam Sơn	Cao đẳng	Văn hóa
5	Lưu Thị Thanh Vân	08.05.1972	Nữ	TH Lam Sơn	Trung cấp	Thể chất
6	Lê Quỳnh Hoa	10.03.1973	Nữ	TH Hoàn lê	cao đẳng	Văn hóa
7	Bùi Thị Thanh	29.10.1971	Nữ	TH Minh Khai	Trung cấp	Văn hóa
8	Bùi Thảo Duyên	26.02.1994	Nữ	TH Bảo Khê	Cao đẳng	Văn hóa
9	Nguyễn Thị Thắm	13.7.1975	Nữ	TH Liên Phương	Cao đẳng	Văn hóa
10	Hoàng Thị Hà	17.7.1971	Nữ	TH Liên Phương	Cao đẳng	Văn hóa
11	Trần Thị Gấm	06.10.1977	Nữ	TH Quảng Châu	Cao đẳng	Văn hóa
12	Đào Thị Thu Ngân	10.10.1970	Nữ	TH Quảng Châu	Trung cấp	Văn hóa
13	Hoàng Thị Thu Hiền	09.12.1970	Nữ	TH Quảng Châu	Cao đẳng	Văn hóa
14	Lê Thị Thu Hà	17.02.1972	Nữ	TH Quảng Châu	Trung cấp	Văn hóa
15	Trần Thị Nếp	25.03.1971	Nữ	TH Quảng Châu	Trung cấp	Văn hóa
16	Lã Thị Miên	06.04.1971	Nữ	TH Quảng Châu	Trung cấp	Văn hóa
17	Lương Thị Huệ	28.04.1971	Nữ	TH Trung Nghĩa	Trung cấp	Văn hóa
18	Lương Thị Kim Sinh	07.11.1971	Nữ	TH Trung Nghĩa	Cao đẳng	Văn hóa
19	Phạm Thị Tâm	27.05.1975	Nữ	TH Trung Nghĩa	Trung cấp	Văn hóa
20	Nguyễn Thị Nhiên	27.06.1971	Nữ	TH Trung Nghĩa	Cao đẳng	Văn hóa
21	Phạm Thị Giang	20.10.1975	Nữ	TH Hoàng Lê	Cao đẳng	Văn hóa
III TRUNG HỌC CƠ SỞ						
1	Nguyễn Thị Thúy Hà	16.01.1971	Nữ	THCS An Tào	Cao đẳng	Ngữ văn
2	Nguyễn Thị Hoài	29.9.1982	Nữ	THCS Liên Phương	Cao đẳng	Ngữ văn
3	Nguyễn Thị Phượng	27.02.1973	Nữ	THCS Phú Cường	Cao đẳng	Ngữ văn
4	Nguyễn Thị Hưng	24.4.1984	Nữ	THCS Phú Cường	Cao đẳng	Thể dục
5	Đỗ Cao Cường	01.7.1981	Nam	THCS Phú Cường	Cao đẳng	Hóa
6	Nguyễn Thị Thu Hương	02.12.1970	Nữ	THCS Quảng Châu	Cao đẳng	Toán
7	Lê Thị Bích	28.02.1971	Nữ	THCS Quảng Châu	Cao đẳng	Toán
8	Hoàng Thị Linh	21.05.1985	Nữ	THCS Trung Nghĩa	Cao đẳng	Tin học
9	Trần Thị Thuận	19.9.1979	Nữ	THCS Trung Nghĩa	Cao đẳng	Toán
10	Phạm Thị Thu Trang	01.7.1989	Nữ	THCS Bảo Khê	Cao đẳng	Toán
11	Vũ Thị Thu Hoài	16.12.1975	Nữ	THCS Bảo Khê	Cao đẳng	Thể dục
12	Bùi Thị Nhung	28.5.1974	Nữ	THCS Phương Chiểu	Cao đẳng	Toán
13	Bùi Thị Diệu	05.3.1984	Nữ	TH&THCS Hồng Nam	Cao đẳng	Ngữ văn

PHỤ LỤC 3:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022

Đơn vị: Huyện Tiên Lữ

(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MÀM NON: Không					
II	TIỂU HỌC					
1	Đỗ Thị Hương	26.6.1972	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
2	Nguyễn Thị Hương Lý	27.02.1973	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
3	Chu Thị Huyền	31.5.1973	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
4	Vũ Thị Thắm	12.10.1974	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
5	Vũ Thị Thân	12.01.1974	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
6	Vũ Thị Mên	29.8.1976	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
7	Đoàn Thị Hải Anh	18.7.1979	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
8	Phạm Thị Bích Liên	01.01.1983	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
9	Phạm Thị Ngọc Lan	22.11.1971	Nữ	TH Thủ Sỹ	Cao đẳng	Văn hóa
10	Nguyễn Thị Phong Lan	21.8.1973	Nữ	TH Cương Chính	Cao đẳng	Văn hóa
11	Đặng Thị Kim Nhung	27.7.1975	Nữ	TH&THCS Đức Thắng	Cao đẳng	Văn hóa
12	Trần Thị Lụa	22.4.1990	Nữ	TH Minh Phượng	Cao đẳng	Văn hóa
13	Lê Thị Thanh Hương	28.12.1971	Nữ	TH Minh Phượng	Cao đẳng	Văn hóa
14	Đoàn Thị Thanh Thủy	05.10.1971	Nữ	TH Thụy Lôi	Cao đẳng	Văn hóa
15	Trần Thị Hường	05/11/1986	Nữ	TH Lệ Xá	Cao đẳng	Thể chất
16	Nguyễn Thị Nghiên	25/05/1973	Nữ	TH Lệ Xá	Cao đẳng	Thể chất
17	Đoàn Thị Thảo	31.10.1989	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Thể chất
18	Phùng Thu Uyên	07.3.1995	Nữ	TH Minh Phượng	Cao đẳng	Tiếng Anh
19	Nguyễn Thị Hải Yến	07.6.1977	Nữ	TH Thủ Sỹ	Cao đẳng	Văn hóa
20	Bùi Ngọc Minh Hồng	17.3.1975	Nam	TH Cương Chính	Cao đẳng	Văn hóa
21	Nguyễn Thị Hường	03.03.1971	Nữ	TH Hải Triều	Cao đẳng	Văn hóa
22	Cao Thị Đông	21.11.1973	Nam	TH, THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Văn hóa
23	Bùi Văn Thắng	15.11.1974	Nam	TH Nhật Tân	Cao đẳng	Văn hóa
24	Quách Long Vĩ	19.8.1973	Nam	TH Nhật Tân	Cao đẳng	Văn hóa
24	Bùi Thị Cẩm Nhung	20.01.1974	Nữ	TH Thụy Lôi	Cao đẳng	Văn hóa

25	Bùi Thị Hồng Luyến	24.01.1976	Nữ	TH Thủ Sỹ	Cao đẳng	Văn hóa
26	Nguyễn Thị Thu Xa	10.9.1973	Nữ	TH Lệ Xá	Cao đẳng	Văn hóa
II	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Nguyễn Thị Vân Anh	01.12.1971	Nữ	THCS Lệ Xá	Cao đẳng	Ngữ văn
2	Nguyễn Thị Mai	13.11.1989	Nữ	THCS Lệ Xá	Cao đẳng	Ngữ văn
3	Vũ Thị Hồng Lê	10.6.1991	Nữ	THCS Nhật Tân	Cao đẳng	Sinh hóa
4	Lương Hải Quân	28.10.1989	Nam	THCS Hưng Đạo	Cao đẳng	Sinh học
5	Phạm Thị Bích Ngà	09.9.1978	Nữ	THCS Tiên Lữ	Cao đẳng	Sử - GDCD
6	Đào Thị Kim Hạnh	21.5.1970	Nữ	THCS Tiên Lữ	Cao đẳng	Thế dục
7	Nguyễn Thị Hiên	09.6.1971	Nữ	THCS Hải Triều	Cao đẳng	Thế dục
8	Vũ Thị Thùy Dương	10.8.1970	Nữ	THCS Lệ Xá	Cao đẳng	Toán
9	Đoàn Thị Phượng	10.4.1970	Nữ	THCS Hải Triều	Cao đẳng	Toán
10	Đỗ Thị Hồng Quyên	29.8.1978	Nữ	THCS Tiên Lữ	Cao đẳng	Văn - địa
11	Vũ Đức Hoàng	02.6.1990	Nam	THCS Tiên Lữ	Cao đẳng	Tin học
12	Nguyễn Thị Lý	22.4.1971	Nữ	THCS Hải Triều	Cao đẳng	Vật lý

PHỤ LỤC 4:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Huyện Phù Cù
 (Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Đào Thị Nguyệt	16/10/1989	Nữ	MN Tam Đa	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Minh Cảnh	25/11/1970	Nữ	TH Đoàn Đào	Cao đẳng	Văn hóa
2	Mai Thị Thanh Văn	09.3.1973	Nữ	TH Đoàn Đào	Cao đẳng	Văn hóa
3	Phan Thị Đoan	20/7/1970	Nữ	TH Tổng Phan	Cao đẳng	Văn hóa
4	Lê Thị Thu Hằng	13/4/1972	Nữ	TH Tổng Phan	Cao đẳng	Văn hóa
5	Vũ Thị Quyên	20/9/1972	Nữ	TH Tổng Phan	Cao đẳng	Văn hóa
6	Bùi Thị Giang	21/3/1988	Nữ	TH Minh Hoàng	Cao đẳng	Tiếng Anh
7	Vũ Hồng Phương	06.10.1971	Nữ	TH Phan Sào Nam	Cao đẳng	Văn hóa
8	Vũ Thị Bình	19/12/1975	Nữ	TH Đình Cao	Cao đẳng	Văn hóa
9	Hoàng Văn Long	05.02.1990	Nam	TH Đoàn Đào	Cao đẳng	Thể chất
10	Nguyễn Huy Dạng	17/10/1995	Nam	TH Tổng Phan	Cao đẳng	Thể chất
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Phạm Thị Ngân	28/10/1985	Nữ	THCS Tam Đa	Cao đẳng	Mĩ Thuật
2	Nguyễn Thị Phường	16/06/1987	Nữ	THCS Đình Cao	Cao đẳng	Ngữ văn
3	Trần Quang Hải	5/5/1981	Nam	THCS Nhật Quang	Cao đẳng	Thể dục
4	Trần Thị Loan	27/3/1976	Nữ	THCS Đình Cao	Cao đẳng	Tiếng Anh
5	Nguyễn Quyết Tiến	10.12.1966	Nam	THCS Đình Cao	Cao đẳng	Toán
6	Nguyễn Thị Lý	07.5.1970	Nữ	THCS Tam Đa	Cao đẳng	Vật lý

nh

PHỤ LỤC 5:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022

Đơn vị: Huyện Kim Động

(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Đào Thị Nguyệt	02/4/1977	Nữ	MN Mai Động	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Dinh	7/7/1979	Nữ	TH&THCS Nhân La	Cao đẳng	Văn hóa
2	Trần Thị Hồng Minh	18/10/1984	Nữ	TH Đức Hợp	Cao đẳng	Văn hóa
3	Lê Thị Lan	24/2/1990	Nữ	TH Đức Hợp	Cao đẳng	Văn hóa
4	Trần Thị Loan	16/3/1972	Nữ	TH Phú Thịnh	Cao đẳng	Văn hóa
5	Nguyễn Thành Đô	11/7/1977	Nam	TH&THCS Nhân La	Cao đẳng	Thể chất
6	Lê Thị Việt Hương	22/8/1979	Nữ	TH Đức Hợp	Cao đẳng	Văn hóa
7	Phạm Thị Thu Trang	10/9/1996	Nữ	TH Toàn Thắng	Cao đẳng	Văn hóa
8	Hoàng Thị Vân Anh	28/11/1971	Nữ	TH Nghĩa Dân	Cao đẳng	Văn hóa
9	Nguyễn Thị Thu Hương	26/6/1972	Nữ	TH Nghĩa Dân	Cao đẳng	Văn hóa
10	Lý Thị Thanh Hương	5/11/1979	Nữ	TH Ngũ Lão	Cao đẳng	Mĩ thuật
11	Đào Thị Ngà	1/8/1980	Nữ	TH Lương Bằng	Cao đẳng	Mĩ thuật
12	An Mạnh Hà	28/10/1983	Nam	TH Vĩnh Xá	Cao đẳng	Mĩ thuật
13	Đặng Thị Thanh Hoa	8/5/1986	Nữ	TH Đồng Thanh	Cao đẳng	Mĩ thuật
14	Nguyễn Thị Huyền	18/9/1993	Nữ	TH Toàn Thắng	Trung cấp	Văn hóa
15	Đặng Thị Thúy	15/7/1976	Nữ	TH Vĩnh Xá	Trung cấp	Văn hóa
16	Phạm Thị Uyên	20/1/1980	Nữ	TH Ngũ Lão	Trung cấp	Âm Nhạc
17	Nguyễn Mạnh Cường	31/12/1973	Nam	TH Nghĩa Dân	Trung cấp	Âm Nhạc
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Hoàng Thúy Hảo	21/1/1971	Nữ	THCS Toàn Thắng	Cao đẳng	Ngữ văn
2	Mai Văn Thành	8/4/1981	Nam	THCS Ngọc Thanh	Cao đẳng	Sử - GDCD
3	Lưu Thị Mai Hoa	16/5/1977	Nữ	THCS Phạm Ngũ Lão	Cao đẳng	Tiếng Anh
4	Lê Thị Tiến	31/1/1973	Nữ	THCS Đức Hợp	Cao đẳng	Văn - Sử
5	Trần Bích Liên	12/8/1974	Nữ	THCS Đồng Thanh	Cao đẳng	Sinh hóa
6	Nguyễn Thị Thuận	14/2/1976	Nữ	THCS Lương Bằng	Cao đẳng	Ngữ văn
7	Nguyễn Thị Tâm	20/12/1984	Nữ	THCS Ngũ Lão	Cao đẳng	Mĩ Thuật
8	Hà Thị Ngọc Lan	12/10/1982	Nữ	THCS Đồng Thanh	Cao đẳng	Mĩ Thuật
9	Ngô Thị Quyên	7/6/1985	Nữ	THCS Lương Bằng	Cao đẳng	Âm nhạc
10	Nguyễn Thị Thu Trang	25/9/1985	Nữ	THCS Song Mai	Cao đẳng	Âm nhạc
11	Phạm Thị Thùy Dương	1/2/1983	Nữ	TH&THCS Vũ Xá	Cao đẳng	Âm nhạc

PHỤ LỤC 6:
Thông kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Huyện Ân Thi
 (Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Trần Thị Mai	7/5/1980	Nữ	Mầm non Hồng Vân	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Thanh Vân	20/11/1971	Nữ	TH Hồ Tùng Mậu	Cao đẳng	Văn hóa
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Dương Thị Thoa	4/2/1984	Nữ	THCS Hồ Tùng Mậu	Cao đẳng	Âm nhạc
2	Phạm Văn Khương	1979	Nam	THCS Tân Phúc	Cao đẳng	Âm nhạc
3	Phạm Thị Loan	16/08/1994	Nữ	THCS Phạm Huy Thông	Cao đẳng	Địa lý
4	Đỗ Thị Thơ	4/4/1971	Nữ	THCS Hồng Vân	Cao đẳng	GD thể chất
5	Vũ Thị Huyền	1990	Nữ	THCS Tân Phúc	Cao đẳng	Hóa
6	Phạm Thị Quyên	11/5/1970	Nữ	THCS Nguyễn Trãi	Cao đẳng	Ngữ văn
7	Trương Thị Sa	2/6/1970	Nữ	THCS Hồ Tùng Mậu	Cao đẳng	Sinh học
8	Nguyễn Thị Hằng	17/7/1985	Nữ	THCS Hồng Vân	Cao đẳng	Sinh học
9	Lê Thị Lan	5/9/1967	Nữ	THCS Phạm Huy Thông	Cao đẳng	Sinh học
10	Phạm Thị Loan	1989	Nữ	THCS Nguyễn Trãi	Cao đẳng	Sinh học
11	Nguyễn Thị Hằng	1977	Nữ	THCS Nguyễn Trãi	Cao đẳng	Sử
12	Nguyễn Thị Ngọc Anh	4/1/1978	Nữ	THCS Hồ Tùng Mậu	Cao đẳng	Thể dục
13	Lê Thị Bân	25/05/1968	Nữ	THCS Phạm Huy Thông	Cao đẳng	Thể dục
14	Nguyễn Thị Hương	22/08/1974	Nữ	THCS Phạm Huy Thông	Cao đẳng	Toán



PHỤ LỤC 7:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Huyện Yên Mỹ
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Hà Thị Hương	3/10/1989	Nữ	Mầm non Hoàn Long	Trung cấp	GD mầm non
2	Nguyễn Thị Mai	22/03/1991	Nữ	Mầm non Hoàn Long	Trung cấp	GD mầm non
3	Lưu Thị Vân	23/11/1990	Nữ	Mầm non Liêu Xá	Trung cấp	GD mầm non
4	Nguyễn Thị Hương	5/6/1971	Nữ	MNTT Yên Mỹ	Trung cấp	GD mầm non
5	Trần Thị Hạnh	4/4/1973	Nữ	MNTT Yên Mỹ	Trung cấp	GD mầm non
6	Nguyễn Thu Hương	1/1/1974	Nữ	MNTT Yên Mỹ	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Lê Thị Hưng	5/9/1977	Nữ	TH Nghĩa Hiệp	Trung cấp	Mĩ thuật
2	Nguyễn Thị Trang	4/12/1977	Nữ	TH Việt Cường	Trung cấp	Mĩ thuật
3	Đặng Thị Kim Đan	14/10/1973	Nữ	TH Đồng Than	Cao đẳng	Văn hóa
4	Lưu Thị Thủy	14/7/1971	Nữ	TH Liêu Xá	Cao đẳng	Văn hóa
5	Hoàng Thị Diệu Linh	30/10/1994	Nữ	TH Trung Hưng	Cao đẳng	Văn hóa
6	Trần Tô Uyên	24/6/1971	Nữ	TH Yên Hòa	Cao đẳng	Văn hóa
7	Đào Thị Mến	12/5/1974	Nữ	TH Yên Hòa	Cao đẳng	Văn hóa
8	Nguyễn Thị Lan	4/11/1991	Nữ	TH TT Yên Mỹ I	Cao đẳng	Văn hóa
9	Nguyễn Thị Hồng	13/10/1977	Nữ	TH Việt Cường	Cao đẳng	Văn hóa
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	28/05/1978	Nữ	TH Việt Cường	Cao đẳng	Văn hóa
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Trịnh Minh Chiến	15/02/1986	Nam	THCS Việt Cường	Cao đẳng	Âm nhạc
2	Nguyễn Trọng Dầu	16/4/1975	Nam	TH&THCS Minh Châu	Cao đẳng	Mĩ Thuật
3	Chử Thị Vân	10/10/1994	Nữ	TH&THCS Minh Châu	Cao đẳng	Ngữ văn
4	Nguyễn Thiện Hồ	1/3/1986	Nam	TH&THCS Minh Châu	Cao đẳng	Sinh học
5	Cao Xuân Thành	11/6/1977	Nam	THCS Nghĩa Hiệp	Cao đẳng	Thể dục
6	Trần Thị Thảo	4/9/1976	Nữ	THCS Nghĩa Hiệp	Cao đẳng	Tiếng Anh
7	Trần Thị Lan Hương	14/02/1986	Nữ	THCS Thanh Long	Cao đẳng	Tin học
8	Phạm Thị Lan	3/9/1976	Nữ	THCS Tân Việt	Cao đẳng	Toán
9	Đỗ Thanh Thạo	10/2/1979	Nam	THCS Tân Việt	Cao đẳng	Toán
10	Trần Thị Thanh Huyền	27/10/1972	Nữ	THCS Trung Hoà	Cao đẳng	Vật lý

PHỤ LỤC 8:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Thị xã Mỹ Hòa
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Nguyễn Thị Bích Thủy	28/09/1981	Nữ	MN Phùng Chí Kiên	Trung cấp	GD mầm non
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	09/3/1985	Nữ	MN Phùng Chí Kiên	Trung cấp	GD mầm non
3	Vũ Thị Luyến	24/6/1983	Nữ	MN Hòa Phong	Trung cấp	GD mầm non
4	Phạm Thị Tuyến	2/5/1991	Nữ	MN Phùng Chí Kiên	Trung cấp	GD mầm non
5	Nguyễn Thị Hương	07/12/1990	Nữ	MN Phùng Chí Kiên	Trung cấp	GD mầm non
6	Đào Thị Dung	28/5/1993	Nữ	MN Hòa Phong	Trung cấp	GD mầm non
7	Nguyễn Việt Chinh	10/09/1994	Nữ	MN Hòa Phong	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Trần Thị Xuân	16/2/1971	Nữ	TH Phan Đình Phùng	Trung cấp	Mĩ thuật
2	Phạm Văn Độ	20/8/1987	Nam	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Âm Nhạc
3	Nguyễn Thị Nga	14/11/1970	Nữ	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
4	Lê Thị Yên	08/12/1970	Nữ	TH Bàn Yên Nhân số I	Cao đẳng	Văn hóa
5	Phạm Thị Hoài Hương	16/6/1971	Nữ	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
6	Đặng Thị Thu Hà	20/11/1974	Nữ	Tiểu học Dị Sử	Cao đẳng	Văn hóa
7	Chu Hải Anh	14/8/1974	Nữ	Tiểu học Dị Sử	Cao đẳng	Văn hóa
8	Bùi Đức Nhượng	29/3/1973	Nam	Tiểu học Xuân Dục	Cao đẳng	Văn hóa
9	Phan Thị Dương	13/9/1976	Nữ	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
10	Trần Thị Hoàng Quyên	01/02/1974	Nữ	TH Bàn Yên Nhân số II	Cao đẳng	Văn hóa
11	Bùi Thị Soan	03/10/1972	Nữ	TH Phùng Chí Kiên	Cao đẳng	Văn hóa
12	Nguyễn Thị Thu Trà	30/10/1973	Nữ	TH Phùng Chí Kiên	Cao đẳng	Văn hóa
13	Vũ Thị Huyền	03/11/1972	Nữ	TH&THCS Hưng Long	Cao đẳng	Văn hóa
14	Đỗ Thị Phương Hường	03/12/1977	Nữ	Tiểu học Bạch Sam	Cao đẳng	Văn hóa
15	Vũ Thị Kim Tuyến	14/5/1978	Nữ	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
16	Đỗ Thị Hải	05/02/1982	Nữ	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
17	Nguyễn Thị Hoa	03/12/1980	Nữ	Tiểu học Dị Sử	Cao đẳng	Văn hóa
18	Luyện Viết Vĩ	27/5/1988	Nam	TH Cẩm Xá	Cao đẳng	Văn hóa
19	Phạm Thị Lập	09/02/1983	Nữ	TH Nhân Hoà	Cao đẳng	Văn hóa
20	Vũ Thị Khánh Huyền	24/4/1998	Nữ	Tiểu học Dị Sử	Cao đẳng	Văn hóa
21	Đỗ Thị Thu Phương	06/03/1991	Nữ	Tiểu học Xuân Dục	Cao đẳng	Mĩ thuật
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Nguyễn Thị Thủy	08/10/1987	Nữ	THCS Lê Hữu Trác	Cao đẳng	Âm nhạc
2	Phạm Thị Huế	14/10/1983	Nữ	THCS Xuân Dục	Cao đẳng	Công nghệ
3	Hoàng Văn Xa	28/2/1978	Nam	THCS Dương Quang	Cao đẳng	Công nghệ

4	Phạm Thị Nết	03/02/1986	Nữ	THCS Dương Quang	Cao đẳng	Công nghệ
5	Nguyễn Thị Thanh Mai	20/04/1987	Nữ	THCS Dị Sử	Cao đẳng	Công nghệ
6	Nguyễn Thị Duyên	21/12/1985	Nữ	THCS Dị Sử	Cao đẳng	Mĩ Thuật
7	Ngô Thị Hằng	07/01/1988	Nữ	THCS Bàn Yên Nhân	Cao đẳng	Mĩ Thuật
8	Lê Thị Thanh Bình	17.8.1984	Nữ	THCS Nhân Hòa	Cao đẳng	Mĩ Thuật
9	Phan Thị Thanh Tuyền	19.01.1984	Nữ	THCS Minh Đức	Cao đẳng	Ngữ văn
10	Vũ Thị Kim Tuyền	18/6/1973	Nữ	THCS Xuân Dục	Cao đẳng	Thế dục
11	Chu Thị Hương Quê	2/2/1971	Nữ	THCS Cẩm Xá	Cao đẳng	Thế dục
12	Vũ Thị Nhung	18/6/1971	Nữ	TH&THCS Hưng Long	Cao đẳng	Thế dục
13	Nguyễn Văn Sinh	15/4/1972	Nam	THCS Ngọc Lâm	Cao đẳng	Thế dục
14	Vũ Thị Dưỡng	13.10.1977	Nữ	THCS Minh Đức	Cao đẳng	Thế dục
15	Đặng Thị Phương Dung	25.5.1977	Nữ	THCS Minh Đức	Cao đẳng	Tiếng Anh
16	Nguyễn Thị Vân Anh	18.8.1996	Nữ	THCS Nhân Hòa	Cao đẳng	Toán
17	Nguyễn Thị Phương Hoa	9/3/1996	Nữ	THCS Lê Hữu Trác	Cao đẳng	Văn - Địa

PHỤ LỤC 9:
Thông kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022
Đơn vị: Huyện Văn Lâm
(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Phùng Thị Kiều Trang	2/01/1997	Nữ	Tân Quang	Trung cấp	GD mầm non
2	Đình Thị Mai Khuyên	1/11/1995	Nữ	Tân Quang	Trung cấp	GD mầm non
3	Đặng Thị Thu	9/09/1993	Nữ	Tân Quang	Trung cấp	GD mầm non
4	Vũ Thị Hằng	8/09/1983	Nữ	Như Quỳnh	Trung cấp	GD mầm non
5	Phạm Thị Yến Nhi	9/11/1996	Nữ	Lương Tài	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Vững	29/11/1989	Nữ	TH Đại Đồng	Cao đẳng	Tiếng Anh
2	Tô Thị Hường	5/2/1983	Nữ	TH Như Quỳnh	Cao đẳng	Âm Nhạc
3	Đỗ Thị Hồng Lan	19/8/1976	Nữ	TH Trung Trắc	Cao đẳng	Văn hóa
4	Đỗ Thị Hà	09/6/1975	Nữ	TH Trung Trắc	Cao đẳng	Văn hóa
5	Nguyễn Ngọc Thom	14/07/1975	Nữ	TH Đại Đồng	Cao đẳng	Văn hóa
6	Trần Phương Thu	17/02/1997	Nữ	TH Lương Tài	Cao đẳng	Văn hóa
7	Đỗ Văn Học	18/06/1978	Nam	TH Lạc Đạo	Cao đẳng	Mĩ thuật
8	Nguyễn Thị Mai Linh	10/27/1989	Nữ	TH Như Quỳnh	Cao đẳng	Tiếng Anh
9	Bùi Thanh Lâm	17/7/1980	Nam	TH Chi Đạo	Cao đẳng	Thể chất
10	Vũ Thị Kim Anh	15/03/1987	Nữ	TH Lương Tài	Cao đẳng	Thể chất
11	Nguyễn Ngọc Quang	19/07/1984	Nam	TH Lạc Đạo	Cao đẳng	Mĩ thuật
12	Nguyễn Thành Chung	22/1/1985	Nam	TH Chi Đạo	Cao đẳng	Mĩ thuật
13	Nguyễn Nam Huy	11/11/1983	Nam	TH Việt Hưng	Cao đẳng	Mĩ thuật
14	Nguyễn Thị Hoàng Yến	06/01/1971	Nữ	TH Việt Hưng	Trung cấp	Văn hóa
15	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3/23/1988	Nữ	TH Minh Hải	Cao đẳng	Văn hoá
16	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	22/07/1984	Nữ	TH Như Quỳnh	Trung cấp	Âm Nhạc
17	Nguyễn Việt Hoàng	8/12/1982	Nam	TH Minh Hải	Cao đẳng	Mĩ thuật
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Lê Thị Hải	09/4/1984	Nữ	THCS Chi Đạo	Cao đẳng	Âm nhạc
2	Nguyễn Thị Phượng	19/8/1990	Nữ	THCS Đại Đồng	Cao đẳng	Âm nhạc
3	Ngô Thị Nga	05/11/1989	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Âm nhạc
4	Nguyễn Thị Nam	19/3/1988	Nữ	THCS Lương Tài	Cao đẳng	Âm nhạc
5	Trần Quang Huy	19/02/1984	Nam	THCS Dương Phúc Tư	Cao đẳng	Âm nhạc
6	Nguyễn Thị Ngoan	01/10/1981	Nữ	THCS Việt Hưng	Cao đẳng	Âm nhạc
7	Nguyễn Thị Hương Lan	13/8/1979	Nữ	THCS Minh Hải	Cao đẳng	Công nghệ
8	Nguyễn Thị Thu Hà	15/02/1978	Nữ	THCS Dương Phúc Tư	Cao đẳng	Địa lý
9	Nguyễn Văn Đạt	10/12/1983	Nam	THCS Minh Hải	Cao đẳng	GD thể chất
10	Nguyễn Văn Tường	15/8/1978	Nam	THCS Lương Tài	Cao đẳng	GDCD
11	Nguyễn Hồng Vinh	01/4/1977	Nữ	THCS Lạc Đạo	Cao đẳng	Hóa - Sinh
12	Cao Thị Mến	21/5/1978	Nữ	THCS Lạc Hồng	Cao đẳng	Hóa - Sinh

13	Đỗ Thị Thương Giang	20/06/1992	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Kỹ thuật CN
14	Nguyễn Thị Huyền	11/11/1972	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Mĩ Thuật
15	Lê Văn Duẩn	23/10/1984	Nam	THCS Việt Hưng	Cao đẳng	Mĩ Thuật
16	Đặng Văn Phong	04/7/1979	Nam	THCS Chi Đạo	Cao đẳng	Mĩ Thuật
17	Nguyễn Thị Linh	30/10/1985	Nữ	THCS Đại Đồng	Cao đẳng	Mĩ Thuật
18	Đỗ Thị Thu Hà	11/06/1977	Nữ	THCS Trung Trắc	Cao đẳng	Mĩ Thuật
19	Nguyễn Thị Hơ Lây	21/3/1986	Nữ	THCS Lương Tài	Cao đẳng	Ngữ văn
20	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	29/4/1974	Nữ	THCS Việt Hưng	Cao đẳng	Ngữ văn
21	Nguyễn Thị Thu Hà	18/8/1985	Nữ	THCS Lạc Đạo	Cao đẳng	Sinh - Kỹ
22	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	23/9/1969	Nữ	THCS Đại Đồng	Cao đẳng	Sinh học
23	Nguyễn Thị Thủy Dương	01/05/1979	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Sử - GDCD
24	Nguyễn Thị Thu Hương	21/02/1977	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Sử - GDCD
25	Nguyễn Thị Hồi	23/10/1970	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Thế dục
26	Đỗ Thanh Vi	12/09/1978	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Thế dục
27	Phạm Anh Tuấn	18/3/1980	Nam	THCS Lạc Đạo	Cao đẳng	Thế dục
28	Phạm Ngọc Vương	30/11/1978	Nam	THCS Trung Trắc	Cao đẳng	Thế dục
29	Nguyễn Tố Duy	19/08/1969	Nam	THCS Việt Hưng	Cao đẳng	Thế dục
30	Đặng Tuấn Anh	14/12/1968	Nam	THCS Đại Đồng	Cao đẳng	Thế dục
31	Nguyễn Thế Trọng	17/05/1982	Nam	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Thế dục
32	Trịnh Thị La	18/02/1977	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Thế dục
33	Nguyễn Quốc Ân	19/1/1967	Nam	THCS Việt Hưng	Cao đẳng	Thế dục
34	Nguyễn Thị Thúy	04/03/1986	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Tiếng Anh
35	Hồ Thị Tin	24/2/1990	Nữ	THCS Trung Trắc	Cao đẳng	Tiếng Anh
36	Đỗ Thị Nhài	10/05/1979	Nữ	THCS Minh Hải	Cao đẳng	Toán
37	Lê Thị Thảo	26/09/1993	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Toán - Lý
38	Trần Thị Tuyết Mai	11/01/1979	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Toán - Lý
39	Nguyễn Thị Hạnh	10/12/1978	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Toán - Lý
40	Trịnh Thị Bích Hằng	19/01/1980	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Toán - Lý
41	Trương Thị Tâm	10/07/1991	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Toán - Tin
42	Nguyễn Thị Hiền	28/6/1988	Nữ	THCS Chi Đạo	Cao đẳng	Văn - Địa
43	Dương Thị Tươi	06/12/1991	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Văn - Địa
44	Nguyễn Thị Ngát	02/10/1990	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Văn - GDCD
45	Lê Thị Hồng Huệ	11/01/1977	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Văn - Sử
46	Trần Thị Hợp	11/03/1979	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Văn - Sử
47	Lê Thị Thu Hà	30/08/1989	Nữ	THCS Đình Dù	Cao đẳng	Văn - Sử
48	Bùi Thị Hải Yến	27/02/1980	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Văn - Sử
49	Đỗ Thị Khánh Ly	15/09/1991	Nữ	THCS Như Quỳnh	Cao đẳng	Văn - Sử
50	Vũ Thanh Tịnh	28/2/1974	Nữ	THCS Lương Tài	Cao đẳng	Vật lý

PHỤ LỤC 10:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022

Đơn vị: Huyện Văn Giang

(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MÀM NON: 0					
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Thu Hương	30/10/1973	Nữ	TH Long Hưng	Trung cấp	Âm Nhạc
2	Nguyễn Thị Hương	16/10/1973	Nữ	TH Cửu Cao	Cao đẳng	Văn hóa
3	Đào Thị Thu Hồng	9/5/1970	Nữ	TH Vĩnh Khúc	Cao đẳng	Văn hóa
4	Nguyễn Thị Hiền	5/5/1987	Nữ	TH Vĩnh Khúc	Cao đẳng	Âm Nhạc
5	Hoàng Ngọc Hương	27/03/1979	Nam	TH Cửu Cao	Cao đẳng	Văn hóa
6	Trương Thị Huyền	30/10/1970	Nữ	TH Long Hưng	Cao đẳng	Văn hóa
7	Vũ Nguyễn An Huệ	29/09/1994	Nữ	TH Xuân Quan	Cao đẳng	Tiếng Anh
8	Nguyễn Thị Thu Hà	30/11/1976	Nữ	TH Cửu Cao	Cao đẳng	Mĩ thuật
9	Cao Thị Miên	17/01/1977	Nữ	TH Cửu Cao	Cao đẳng	Mĩ thuật
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Chu Thị Kim Tuyến	9/1/1983	Nữ	THCS Chu Mạnh Trinh	Cao đẳng	Mĩ Thuật
2	Nguyễn Văn Lương	1/4/1979	Nam	THCS Vĩnh Khúc	Cao đẳng	Sinh học
3	Chu Thị Lượ	16/8/1973	Nữ	THCS Vĩnh Khúc	Cao đẳng	Thể dục
4	Đặng Giang Hương	14/09/1975	Nữ	THCS Chu Mạnh Trinh	Cao đẳng	Toán
5	Ngô Thị Phúc Hường	3/11/1970	Nữ	THCS Chu Mạnh Trinh	Cao đẳng	Toán
6	Ngô Thị Minh Hường	6/10/1972	Nữ	THCS Tân Tiến	Cao đẳng	Vật lý

nh

PHỤ LỤC 11:
Thống kê giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2022

Đơn vị: Huyện Khoái Châu

(Kèm theo Kế hoạch số 50 /KH-UBND ngày 23 /3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường	Trình độ	Môn dạy
I	MẦM NON					
1	Phạm Thị Thủy	03.07.1970	Nữ	MN Tân Dân	Trung cấp	GD mầm non
2	Nguyễn Thị Lan	15.11.1971	Nữ	MN Tân Dân	Trung cấp	GD mầm non
3	Nguyễn Thị Miến	07.09.1971	Nữ	MN Dân Tiến	Trung cấp	GD mầm non
4	Nguyễn Thị Minh Huyền	24.10.1987	Nữ	MN Tân Dân	Trung cấp	GD mầm non
5	Mai Thị Mên	5.11.1996	Nữ	MN Tân Dân	Trung cấp	GD mầm non
6	Đỗ Thị Liên	24.9.1976	Nữ	MN TT Khoái Châu	Trung cấp	GD mầm non
II	TIỂU HỌC					
1	Nguyễn Thị Yến	16.11.1983	Nữ	TH Tân Dân	Cao đẳng	Tin học
2	Đỗ Văn Cường	12.12.1984	Nam	TH Việt Hoà	Cao đẳng	Âm Nhạc
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26.06.1973	Nữ	TH&THCS Chí Tân	Cao đẳng	Âm Nhạc
4	Phan Thị Thanh Vân	09.07.1971	Nữ	TH Tân Dân	Cao đẳng	Văn hóa
5	Phạm Thị Thủy	05.10.1971	Nữ	TH Tân Dân	Cao đẳng	Văn hóa
6	Nguyễn Thị Thanh Mai	23.10.1971	Nữ	TH Phùng Hưng	Cao đẳng	Văn hóa
7	Hoàng Thị Tú Oanh	17.9.1972	Nữ	TH Phùng Hưng	Cao đẳng	Văn hóa
8	Vương Thị Mai	01.03.1974	Nữ	TH Phùng Hưng	Cao đẳng	Văn hóa
9	Phạm Thị Duyên	12.04.1970	Nữ	TH Đại Tập	Cao đẳng	Văn hóa
10	Lê Thị Ngân	31.10.1970	Nữ	TH Đại Tập	Cao đẳng	Văn hóa
11	Trần Thị Hoa	29.07.1974	Nữ	TH Đại Tập	Cao đẳng	Văn hóa
12	Vũ Thị Minh Hưng	16/11/1971	Nữ	TH, THCS Hàm Tử	Cao đẳng	Văn hóa
13	Nguyễn Thị Giao	15/11/1972	Nữ	TH, THCS Hàm Tử	Cao đẳng	Văn hóa
14	Phạm Thị Thúy	21/08/1973	Nữ	TH, THCS Hàm Tử	Cao đẳng	Văn hóa
15	Hoa Thị Quyên	23.08.1979	Nữ	TH Tân Dân	Cao đẳng	Văn hóa
16	Nguyễn Thị Hương	20.09.1990	Nữ	TH Tân Dân	Cao đẳng	Văn hóa
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	Lưu Thị Bích Huệ	01.01.1985	Nữ	THCS Nguyễn Thiện Thuật	Cao đẳng	Âm nhạc
2	Hoàng Minh Dân	14.11.1981	Nam	THCS Đồng Tiến	Cao đẳng	Công nghệ
3	Đặng Thị Thúy	23.07.1970	Nữ	TH, THCS Thành Công	Cao đẳng	GD thể chất
4	Đỗ Thị Dung	28/5/1980	Nữ	THCS Đông Kết	Cao đẳng	Kỹ thuật CN
5	Nguyễn Đăng Chiến	06.06.1976	Nam	THCS Đồng Tiến	Cao đẳng	Mĩ Thuật
6	Đỗ Bích Ngọc	10.3.1988	Nữ	THCS Nguyễn Thiện Thuật	Cao đẳng	Ngữ văn
7	Nguyễn Thị Hồng	13.6.1972	Nữ	THCS Việt Hòa	Cao đẳng	Ngữ văn

8	Lê Thị Ngọc	20.12.1970	Nữ	THCS Tứ Dân	Cao đẳng	Sinh-Thể dục
9	Chu Thị Hiền	01.11.1983	Nữ	TH, THCS Chí Tân	Cao đẳng	Sử - GDCD
10	Trần Thị Minh Huyền	25.10.1978	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Sử - GDCD
11	Hoàng Thị Dung	20.10.1982	Nữ	THCS Việt Hòa	Cao đẳng	Sử - GDCD
12	Đàm Quang Trung	08.08.1969	Nam	THCS Tân Châu	Cao đẳng	Thể dục
13	Nguyễn Thị Hằng	19.12.2021	Nữ	TH, THCS Liên Khê	Cao đẳng	Thể dục
14	Nguyễn Thị Minh Phương	03.02.1970	Nữ	THCS Đại Hưng	Cao đẳng	Thể dục
15	Nguyễn Thị Lan Hương	28.5.1970	Nữ	THCS Bình Minh	Cao đẳng	Thể dục
16	Dương Anh Tuấn	30.8.1968	Nam	THCS Đồng Tiến	Cao đẳng	Thể dục
17	Nguyễn Thị Chính	14.01.1978	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Tiếng Anh
18	Phạm Thị Ngát	25.03.1975	Nữ	TH, THCS Chí Tân	Cao đẳng	Tiếng Anh
19	Nguyễn Thị Gấm	19.08.1978	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Tiếng Anh
20	Bùi Thị Hương	19.9.1979	Nữ	THCS Phùng Hưng	Cao đẳng	Tin học
21	Vũ Thị Hoài Thanh	02.10.1971	Nữ	TH, THCS Ông Đình	Cao đẳng	Toán
22	Trần Thị Vân	28.01.1977	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Toán - Tin
23	Bùi Trang Thảo	02.01.1996	Nữ	THCS Thuần Hưng	Cao đẳng	Văn - Địa
24	Nguyễn Văn Doanh	09.09.1976	Nam	THCS Việt Hòa	Cao đẳng	Văn - Địa
25	Phạm Thị Ngọc Tuệ	01.08.1976	Nữ	THCS Tân Châu	Cao đẳng	Văn - GDCD
26	Nguyễn Thị Nhung	16.10.1977	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Văn - Sử
27	Lê Thị Mến	19.08.1979	Nữ	THCS An Vĩ	Cao đẳng	Văn - Sử
28	Nguyễn Thị Lan Hương	01.02.0971	Nữ	THCS Tân Châu	Cao đẳng	Văn - Sử
29	Bùi Thị Ngọc Mai	30.10.1995	Nữ	THCS Việt Hòa	Cao đẳng	Văn - Sử

nr

Số: 2990/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng của các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang, giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 725/TTr-SNV ngày 08/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng của các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang, giai đoạn 2022 - 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm gồm 04 nhóm với 11 vị trí, trong đó:
 - a) Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí;
 - b) Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 01 vị trí;
 - c) Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 05 vị trí;
 - d) Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Số lượng người làm việc và lao động hợp đồng:

a) Số lượng người làm việc tối đa 493 người (trong đó, số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước tối đa là 366 người), cụ thể:

- Vị trí lãnh đạo quản lý: 27 người;

- Vị trí giáo viên: tối đa theo định mức 456 người (304 lớp x 1,50 giáo viên/lớp dạy);

- Vị trí chuyên môn dùng chung: tối đa là 10 người (Hành chính).

Số lượng người làm việc cụ thể hàng năm của các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở nguồn biên chế của tỉnh và khả năng tự chủ của đơn vị, đảm bảo thực hiện tinh giản biên chế, giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và điều chỉnh theo lộ trình sắp xếp các trường theo quy định.

b) Số lượng hợp đồng lao động (bảo vệ, tạp vụ, nấu ăn) tối đa là 40 người.

3. Về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp:

a) Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II: tối đa 286/493 người;

b) Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III: tối thiểu 197/493 người;

c) Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV: 10/493 người;

d) Không xác định hạng của chức danh nghề nghiệp đối với các vị trí: thư viện, thiết bị do Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ kiêm nhiệm; công nghệ thông tin; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật do giáo viên kiêm nhiệm và các vị trí thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ là lao động hợp đồng (bảo vệ, tạp vụ, nấu ăn).

4. Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm:

(Chi tiết tại phụ lục 2, 3 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang:

a) Phê duyệt vị trí việc làm cụ thể của từng trường Tiểu học theo quy định;

b) Giao biên chế cụ thể theo từng môn học trong tổng số biên chế giáo viên đối với từng trường và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định;

c) Thực hiện việc sắp xếp số lượng Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Thư viện - thiết bị bảo đảm theo quy định;

d) Thực hiện sắp xếp các trường bảo đảm tinh gọn bộ máy, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các trường theo quy định;

đ) Căn cứ danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức, hạng chức danh nghề nghiệp (hoặc tương đương), số lượng người làm việc và lao động hợp đồng tương ứng với từng vị trí việc làm của các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban

nhân dân huyện Văn Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, chỉ đạo Hiệu trưởng các trường Tiểu học:

- Quy định cụ thể sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra của từng vị trí việc làm để làm cơ sở đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, mức độ hoàn thành công việc được giao đối với viên chức và người lao động của các trường Tiểu học thuộc thẩm quyền quản lý hàng năm, hoàn thành trong quý I/2022, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang và gửi Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với các vị trí việc làm để đảm bảo tiêu chuẩn trình độ theo quy định của pháp luật;

- Sắp xếp lại số lớp, số học sinh bảo đảm theo quy định nhằm đảm bảo cơ cấu lại đội ngũ viên chức hợp lý.

- Thực hiện xây dựng Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện việc trả lương đối với viên chức từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định.

e) Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo nâng chuẩn đối với các trường hợp viên chức hiện có mặt chưa đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bảo đảm theo quy định tại Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở. Sau thời hạn theo quy định, nếu viên chức chưa đáp ứng trình độ đào tạo với vị trí việc làm thì Hiệu trưởng các trường Tiểu học xem xét bố trí công tác khác hoặc thực hiện tinh giản biên chế, chấm dứt hợp đồng theo quy định.

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét điều chỉnh danh mục vị trí việc làm đối với các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang khi có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật hoặc các bộ, ngành có quy định có quy định cụ thể về danh mục vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của các trường Tiểu học hoặc theo yêu cầu thực tế, để bảo đảm việc thực hiện vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập được kịp thời, hiệu quả và theo các quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, bố trí, quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, lao động hợp đồng của các trường Tiểu học trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang theo đúng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm; chức danh nghề nghiệp viên chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với từng vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký và bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AB*

Nơi nhận: *Dg*

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
tỉnh
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên

Trần Quốc Văn

Phụ lục 1

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Hạng chức danh nghề nghiệp	Dự kiến số lượng người làm việc giai đoạn 2022-2025	Dự kiến lao động hợp đồng giai đoạn 2022-2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG			493	40	
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý			27		
1	Hiệu trưởng	Giáo viên Tiểu học	Tối thiểu hạng III	10		
2	Phó hiệu trưởng	Giáo viên Tiểu học	Tối thiểu hạng III	17		
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			456		
1	Giáo viên tiểu học	Giáo viên Tiểu học	Tối thiểu hạng III	456		
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung			10		
1	Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ	Văn thư viên trung cấp	Tối thiểu hạng IV	10		
2	Thư viện - Thiết bị	Thư viện viên/ Kỹ thuật viên	Hạng IV	Kiêm nhiệm		Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ kiêm nhiệm
3	Công nghệ thông tin	Kỹ sư	Hạng III	Kiêm nhiệm		Giáo viên kiêm nhiệm
4	Kế toán	Kế toán viên (*)	Tối thiểu hạng IV	Kiêm nhiệm		Do kế toán trưởng THCS kiêm nhiệm 03 cấp học
5	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Hạng IV	Kiêm nhiệm		Giáo viên kiêm nhiệm
IV	Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ				40	
1	Bảo vệ				20	
2	Tạp vụ				10	
3	Nấu ăn				10	

Ghi chú: (*) Chức danh nghề nghiệp kế toán viên bao gồm kế toán viên và kế toán viên Trung cấp tương ứng theo hạng chức danh nghề nghiệp.

Phụ lục 2**BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)*

TT	Tên vị trí việc làm	Mô tả công việc chủ yếu
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Hiệu Trưởng	<p>Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;</p> <p>Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng;</p> <p>Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách;</p> <p>Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định;</p> <p>Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng;</p> <p>Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo UBND huyện giao.</p>
2	Phó Hiệu trưởng	<p>Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền;</p> <p>Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo UBND huyện và Hiệu trưởng giao.</p>
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	
1	Giáo viên tiểu học	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch

TT	Tên vị trí việc làm	Mô tả công việc chủ yếu
1	2	3
		<p>giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường;</p> <p>Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác;</p> <p>Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện;</p> <p>Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh;</p> <p>Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn;</p> <p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học;</p> <p>Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học;</p> <p>Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục;</p> <p>Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương;</p> <p>Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	
1	Văn thư - lưu trữ -thủ quỹ	<p>Tiếp nhận, đăng ký, chuyển giao văn bản đi, đến, lưu trữ công văn, tài liệu hồ sơ;</p> <p>Kiểm tra thể thức văn bản, đóng dấu văn bản;</p> <p>Quản lý hồ sơ học sinh;</p> <p>Thực hiện công tác báo cáo thống kê về công tác văn thư; soạn thảo văn bản, phát hành văn bản của nhà trường;</p> <p>Quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định;</p> <p>Thực hiện thu, chi tiền mặt, kiểm tra, kiểm soát các loại chứng từ trước khi thu, chi: chữ ký, chứng minh thư nhân dân, đối chiếu bảng kê thu, chi tiền khớp đúng với chứng từ và thực tế, đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
2	Thư viện, thiết bị	<p>Lựa chọn tài liệu, tiếp nhận các dạng tài liệu mới, phân loại tài liệu và sắp xếp, bảo quản tài liệu theo trật tự;</p> <p>Xây dựng và duy trì các cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc tìm kiếm tài liệu thuận lợi;</p> <p>Trang bị chuyên biệt các diện tích sử dụng của thư viện, bảo quản, giữ gìn cơ sở vật chất - kỹ thuật luôn trong tình trạng tốt nhất.</p>

TT	Tên vị trí việc làm	Mô tả công việc chủ yếu
1	2	3
		<p>Tuyên truyền, giới thiệu vốn tài liệu của thư viện, hướng dẫn sử dụng thư viện.</p> <p>Nghiên cứu nhu cầu đọc, nhu cầu tin tức để việc phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và giải trí cho bạn đọc đạt hiệu quả cao nhất.</p> <p>Lập kế hoạch và đề xuất chính sách phát triển các dịch vụ, sản phẩm cho thư viện nhằm đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của giáo viên và học sinh.</p> <p>Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị tại thư viện, bảo dưỡng hoặc đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung.</p> <p>Tổ chức quản lý, bảo quản, sử dụng thiết bị; lưu giữ, sử dụng hồ sơ thiết bị; sửa chữa những thiết bị đơn giản;</p> <p>Lập kế hoạch sử dụng, mua sắm, sửa chữa thiết bị của nhà trường; thanh lý, tiêu hủy thiết bị, hóa chất hỏng, hết hạn sử dụng;</p> <p>Khai thác phần mềm ứng dụng quản lý thiết bị;</p> <p>Tổ chức làm đồ dùng dạy học, thiết bị đơn giản với vật liệu dễ kiếm ở địa phương;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
3	Kế toán	<p>Thu thập, kiểm tra, xử lý chứng từ, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc phần hành kế toán được phân công phụ trách;</p> <p>Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán thuộc phần hành, phần việc được phân công phụ trách;</p> <p>Lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và báo cáo khác hàng ngày hoặc định kỳ theo sự phân công từng phần việc kế toán, chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo;</p> <p>Chuẩn bị các số liệu phục vụ kiểm kê, tham gia kiểm kê tài sản, hướng dẫn việc ghi chép các biểu mẫu kiểm kê và tính toán xác định kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi phụ trách;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
4	Công nghệ thông tin	<p>Hỗ trợ công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.</p> <p>Quản lý toàn bộ hệ thống máy tính của trường;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
5	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	<p>Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo yêu cầu và quy định của đơn vị;</p> <p>Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật;</p> <p>Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kỹ năng đặc thù, kỹ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật;</p> <p>Tham gia huy động người khuyết tật đến trường học tập;</p> <p>Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình người khuyết tật và cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chăm sóc và giáo dục người khuyết tật;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao.</p>
IV	Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
1	Bảo vệ	<p>Đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phía trước cổng trường;</p> <p>Trông coi, bảo quản tài sản, an toàn trường học; chăm sóc cây xanh, cây cảnh;</p> <p>Đóng, mở cổng trường, các phòng học đúng giờ. Theo dõi giờ giấc và đánh trống báo, trống truy bài, trống vào học 2 tiết đầu và trống ra về đúng hiệu lệnh hàng ngày.</p>
2	Tạp vụ	<p>Thực hiện quét dọn, vệ sinh khu Hiệu bộ, phòng học, phòng bếp, nhà vệ sinh và sân vườn trong khuôn viên của trường</p>
3	Nấu ăn	<p>Thực hiện nấu ăn cho cho trẻ trong trường đảm bảo hợp vệ sinh, đúng khẩu phần, thực đơn quy định</p>

Phụ lục 3**KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG***(Kèm theo Quyết định số 2990 /QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh)*

TT	Vị trí việc làm	Yêu cầu về năng lực, trình độ, kỹ năng
1	2	3
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Hiệu trưởng	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường; có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; - Lãnh đạo, quản trị các hoạt động trong nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với phong cách học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; - Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường; - Tổ chức các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh và huy động, sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường; - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp có bằng cử nhân không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà có chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; - Trình độ lý luận chính trị, kinh nghiệm công tác: Đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành và của tỉnh (nếu có); - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng quản lý; Kỹ năng giao tiếp ứng xử, Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng phân tích; kỹ năng phối hợp; kỹ năng soạn thảo văn bản.</p>
2	Phó Hiệu trưởng	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường; có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; - Lãnh đạo, quản trị các hoạt động trong nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với phong cách học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; - Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường; - Tổ chức các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh và huy động, sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường; - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp có bằng cử nhân không thuộc ngành đào tạo giáo viên

		<p>mà có chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ lý luận chính trị, kinh nghiệm công tác: Đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành và của tỉnh (nếu có); - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng phân tích, kỹ năng phối hợp, kỹ năng soạn thảo văn bản.</p>
II Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		
1	Giáo viên tiểu học	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giảng dạy, giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường; - Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh; - Có khả năng áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh; - Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh; - Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn bản thân; biết áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; hướng dẫn học sinh tự làm được đồ dùng dạy học; - Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp có bằng cử nhân không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà có chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng quản lý học sinh, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng phân tích, kỹ năng phối hợp; Kỹ năng soạn thảo văn bản; kỹ năng giáo tiếp ứng xử; có khả năng làm việc độc lập.</p>
III Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		
1	Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững về công tác văn thư lưu trữ, qui chế bao mật cơ quan có liên quan đến công tác văn thư, có khả năng tổng hợp, nhạy bén, kỹ năng giao tiếp công sở; - Có năng lực tự điều hành và phối hợp chặt chẽ trong đơn vị; - Bảo quản và đảm bảo hệ thống lưu trữ hồ sơ hợp lý, trách nhiệm và chất lượng; - Có kiến thức về tài chính, thực hiện tốt việc thu chi ngân quỹ, quản lý ngân quỹ. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

		<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng quản lý hồ sơ, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin kỹ năng phối hợp, kỹ năng soạn thảo văn bản; Quản lý và bảo quản hồ sơ, chứng từ, sổ quỹ.</p>
2	Thư viện, thiết bị	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực thiết bị trường học; - Hiểu biết cơ bản về các môn học trong nhà trường, biết sử dụng hệ thống thiết bị dạy học nhằm hỗ trợ tốt cho giáo viên trong việc chuẩn bị đồ dùng học tập trước khi lên lớp; - Nắm vững nhiệm vụ của nhân viên thiết bị trong nhà trường; - Có hiểu biết chuyên sâu về công tác thiết bị trong trường học; - Có khả năng tham mưu, đề xuất, lập kế hoạch thực hiện các nội dung, giải pháp sáng tạo để thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thiết bị trường học; - Đổi mới quy trình hoạt động của phòng đồ dùng, thu thập, tìm tòi các đồ dùng dạy học phục vụ tốt cho việc dạy học của giáo viên trong trường. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, chuyên ngành Thư viện, thiết bị trường học hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí đảm nhiệm. - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng soạn thảo văn bản đúng thể thức, sử dụng các ứng dụng, phần mềm công nghệ thông tin theo yêu cầu công việc; - Kỹ năng quản lý, thiết lập hồ sơ và lưu trữ văn bản hành chính, thủ tục hành chính theo quy định; lưu giữ các trang thiết bị, đồ dùng dạy học ngăn nắp, khoa học, dễ tìm kiếm; - Kỹ năng hướng dẫn sử dụng, bảo quản thiết bị, đồ dùng dạy học trong nhà trường đúng nghiệp vụ.
3	Công nghệ thông tin	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chuyên môn về công nghệ thông tin; - Có năng lực tự điều hành và phối hợp chặt chẽ trong đơn vị; - Bảo quản và đảm bảo hệ thống phần mềm được giao quản lý, trách nhiệm và chất lượng. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật máy tính, mạng máy tính và truyền thông dữ liệu hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí đảm nhiệm; - Có trình độ ngoại ngữ: Đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng xử lý tình huống; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng phối hợp; Kỹ năng tin học, máy tính.</p>
4	Kế toán	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các chế độ, quy định kế toán ngành, lĩnh vực; các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán áp dụng trong đơn vị, trong ngành; - Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan; - Nắm được những nguyên tắc cơ bản về quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển

		<p>chứng từ trong đơn vị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng máy tính, các công cụ hỗ trợ, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử; có khả năng tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính; - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng phân tích, tổng hợp tình hình, báo cáo đánh giá, tài chính cơ quan; Kỹ năng soạn thảo văn bản đúng thể thức, sử dụng các ứng dụng, phần mềm công nghệ thông tin theo yêu cầu công việc; Kỹ năng quản lý hồ sơ, lưu trữ chứng từ, số liệu chính xác, đúng nguyên tắc.</p>
5	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức hiểu biết về đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; - Năng lực hỗ trợ người khuyết tật theo đặc điểm tâm lý của người khuyết tật; - Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; Quản lý học sinh. <p>2. Trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định. - Có trình độ ngoại ngữ, tin học: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; - Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định (nếu có). <p>3. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng quản lý học sinh, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng phân tích, kỹ năng phối hợp; Kỹ năng soạn thảo văn bản; kỹ năng giáo tiếp ứng xử; có khả năng làm việc độc lập.</p>
IV Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		
1	Bảo vệ	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an ninh, trật tự, tài sản của cơ quan; - Có khả năng phối hợp để điều tra làm rõ các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan . <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng phối hợp xử lý tình huống trong công việc; Kỹ năng giao tiếp ứng xử; Kỹ năng bao quát, phân tích, ứng phó những trường hợp đột xuất, khẩn cấp, bất ngờ.</p>
2	Tạp vụ	<p>1. Năng lực:</p> <p>Chăm chỉ, sạch sẽ, có kiến thức về hóa chất tẩy rửa thông dụng; biết sắp xếp thời gian phù hợp với hoạt động của đơn vị.</p> <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Biết sử dụng các loại dụng cụ vệ sinh.</p>
3	Nấu ăn	<p>1. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức về nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm; - Quản lý thực phẩm. <p>2. Kỹ năng:</p> <p>Xử lý tình huống; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng phối hợp, biết sử dụng các loại thiết bị nhà bếp.</p>

Số: **67** /GD&ĐT-THCS
V/v báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ
năm 2021

Văn Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện;
- Trường TH&THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 358/SGDDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/03/2022 của Sở GD&ĐT Hưng Yên về việc báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021; Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các nhà trường báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 theo các nội dung sau:

1. Báo cáo số liệu (*trên phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành*)

Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thực hiện báo cáo thống kê, cập nhật tình hình dạy và học ngoại ngữ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu của Hưng Yên tại địa chỉ <http://hhtt.hungyen.edu.vn>. (**Lưu ý báo cáo đầy đủ số liệu theo các yêu cầu có trên hệ thống**). Hạn hoàn thiện báo cáo trên hệ thống: **chậm nhất ngày 22/3/2022**;

2. Báo cáo bằng văn bản

Các trường Tiểu học, Trung học cơ sở báo cáo bằng văn bản tình hình dạy học ngoại ngữ và kết quả triển khai Đề án NNQG đến hết năm 2021 (*theo Đề cương và Phụ lục báo cáo số liệu gửi kèm Công văn*) về Phòng GD&ĐT (*bộ phận THCS- bà Đỗ Thị Hồng Thùy*) **chậm nhất ngày 22/3/2022**, đồng thời gửi file mềm báo cáo qua hòm thư điện tử: thuypgdvangiang@gmail.com theo đúng thời hạn nêu trên.

3. Về công tác phối hợp và hỗ trợ kỹ thuật

- Hỗ trợ về nội dung báo cáo, biểu mẫu thống kê: Liên hệ bà Đỗ Thị Hồng Thùy (điện thoại: 0972780865),
- Hỗ trợ thông tin về cập nhật cơ sở dữ liệu toàn ngành: Liên hệ ông Đàm Huy Đông (điện thoại: 0987258325).

Phòng GD&ĐT yêu cầu các nhà trường triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung trên; số liệu, nội dung báo cáo phải đầy đủ, chính xác trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và theo các biểu mẫu, Đề cương gửi kèm Công văn; Hiệu trưởng các nhà trường chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị cần báo cáo về Phòng GD&ĐT (bộ phận chuyên môn của bậc học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, THCS.



Đào Thị Bích Ngọc

ĐỀ CƯƠNG

Trường:

1. Các hoạt động đã thực hiện năm 2021

1.1. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy và học ngoại ngữ

- Việc triển khai chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2;
- Việc triển khai chương trình các môn ngoại ngữ thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3-9);

1.2. Hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế

- Việc phát triển ngân hàng câu hỏi thi, đề thi đánh giá thường xuyên và định kỳ; ngân hàng dữ liệu về kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ;
- Việc bồi dưỡng giáo viên;
- Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên đảm bảo chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế;

1.3. Hoạt động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ

- Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ;
- Việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học ngoại ngữ;
- Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mua sắm, sử dụng và quản lý trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ.

1.4. Hoạt động đẩy mạnh truyền thông, hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào học ngoại ngữ

- Việc tổ chức truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ;
- Việc tổ chức triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ;
- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ.

- Việc xây dựng, giới thiệu các chương trình ngoại ngữ, hoạt động sử dụng ngoại ngữ trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo cơ hội tiếp cận ngoại ngữ cho nhiều đối tượng khác nhau;

- Việc phát động phong trào học ngoại ngữ sâu rộng trong các nhà trường.

1.5. Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ

1.6. Hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá

- Liệt kê các hoạt động hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị (*cả trực tuyến và trực tiếp*);

+ Tổng số hoạt động đã tổ chức;

+ Tổng số giáo viên, học sinh đã tham gia;

1.7. Hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án

- Việc thực hiện báo cáo trực tiếp và trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT;

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại đơn vị.

1.8. Các hoạt động khác (nếu có)

.....

2. Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

- Ngân sách tỉnh:

- Ngân sách địa phương:

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại:

- Hạn chế:

- Nguyên nhân:

4. Các đề xuất

Bảng phụ lục báo cáo số liệu

(Kèm theo Công văn số 67/GDDT-THCS ngày 09/3/2022 của Phòng GD&ĐT Văn Giang)

Trường:.....

I. CẤP TIỂU HỌC

TT	Tên đơn vị	Số GV tiếng Anh	Số GV tiếng Anh đạt chuẩn B2	Tổng số học sinh của trường	Số học sinh lớp 1,2	Cụ thể số HS lớp 3	Số HS học Chương trình 10 năm	Số HS lớp 1, 2 học Tiếng Anh	Số HS học 2 tiết/tuần	Số HS học 3 tiết/tuần	Số HS học 4 tiết/tuần	Số HS học nhiều hơn 4 tiết/tuần
1	Trường											
2	Trường											
3	Trường											
4											
Tổng												

Lưu ý: Các nhà trường báo cáo số liệu tính đến ngày 31/12/2021; Chương trình 10 năm là chương trình tiếng Anh được dạy từ lớp 3 (lớp 1,2 là chương trình dạy tự chọn);

II. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Tên đơn vị	Tổng số GV tiếng Anh	Số GV đạt chuẩn B2	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số HS học Chương trình 10 năm	Số HS học Chương trình 7 năm	Số HS học 2 tiết/tuần	Số HS học 3 tiết/tuần	Số HS học 4 tiết/tuần	Số HS học nhiều hơn 4 tiết/tuần
1	Trường THCS ...										
2	Trường THCS										
3	Trường THCS										
4										
Tổng											

Lưu ý: Các nhà trường báo cáo số liệu tính đến ngày 31/12/2021.

Số: **67** /GD&ĐT-THCS
V/v báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ
năm 2021

Văn Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện;
- Trường TH&THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 358/SGDDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/03/2022 của Sở GD&ĐT Hưng Yên về việc báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021; Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các nhà trường báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 theo các nội dung sau:

1. Báo cáo số liệu (*trên phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành*)

Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thực hiện báo cáo thống kê, cập nhật tình hình dạy và học ngoại ngữ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu của Hưng Yên tại địa chỉ <http://hhtt.hungyen.edu.vn>. (**Lưu ý báo cáo đầy đủ số liệu theo các yêu cầu có trên hệ thống**). Hạn hoàn thiện báo cáo trên hệ thống: **chậm nhất ngày 22/3/2022**;

2. Báo cáo bằng văn bản

Các trường Tiểu học, Trung học cơ sở báo cáo bằng văn bản tình hình dạy học ngoại ngữ và kết quả triển khai Đề án NNQG đến hết năm 2021 (*theo Đề cương và Phụ lục báo cáo số liệu gửi kèm Công văn*) về Phòng GD&ĐT (*bộ phận THCS- bà Đỗ Thị Hồng Thùy*) **chậm nhất ngày 22/3/2022**, đồng thời gửi file mềm báo cáo qua hòm thư điện tử: thuyppgdvangiang@gmail.com theo đúng thời hạn nêu trên.

3. Về công tác phối hợp và hỗ trợ kỹ thuật

- Hỗ trợ về nội dung báo cáo, biểu mẫu thống kê: Liên hệ bà Đỗ Thị Hồng Thùy (điện thoại: 0972780865),
- Hỗ trợ thông tin về cập nhật cơ sở dữ liệu toàn ngành: Liên hệ ông Đàm Huy Đông (điện thoại: 0987258325).

Phòng GD&ĐT yêu cầu các nhà trường triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung trên; số liệu, nội dung báo cáo phải đầy đủ, chính xác trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và theo các biểu mẫu, Đề cương gửi kèm Công văn; Hiệu trưởng các nhà trường chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị cần báo cáo về Phòng GD&ĐT (bộ phận chuyên môn của bậc học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, THCS.



Đào Thị Bích Ngọc

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo về tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021

(Kèm theo Công văn số 67/GDDT-THCS ngày 09/3/ 2022 của Phòng GD&ĐT Văn Giang)

Trường:

1. Các hoạt động đã thực hiện năm 2021

1.1. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy và học ngoại ngữ

- Việc triển khai chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2;
- Việc triển khai chương trình các môn ngoại ngữ thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3-9);

1.2. Hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế

- Việc phát triển ngân hàng câu hỏi thi, đề thi đánh giá thường xuyên và định kỳ; ngân hàng dữ liệu về kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ;
- Việc bồi dưỡng giáo viên;
- Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên đảm bảo chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế;

1.3. Hoạt động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ

- Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ;
- Việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học ngoại ngữ;
- Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mua sắm, sử dụng và quản lý trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ.

1.4. Hoạt động đẩy mạnh truyền thông, hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào học ngoại ngữ

- Việc tổ chức truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ;
- Việc tổ chức triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ;
- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ.

- Việc xây dựng, giới thiệu các chương trình ngoại ngữ, hoạt động sử dụng ngoại ngữ trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo cơ hội tiếp cận ngoại ngữ cho nhiều đối tượng khác nhau;

- Việc phát động phong trào học ngoại ngữ sâu rộng trong các nhà trường.

1.5. Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ

1.6. Hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá

- Liệt kê các hoạt động hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị (*cả trực tuyến và trực tiếp*);

+ Tổng số hoạt động đã tổ chức;

+ Tổng số giáo viên, học sinh đã tham gia;

1.7. Hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án

- Việc thực hiện báo cáo trực tiếp và trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT;

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại đơn vị.

1.8. Các hoạt động khác (nếu có)

.....

2. Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

- Ngân sách tỉnh:

- Ngân sách địa phương:

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại:

- Hạn chế:

- Nguyên nhân:

4. Các đề xuất

Bảng phụ lục báo cáo số liệu

(Kèm theo Công văn số 67/GDDT-THCS ngày 09/3/2022 của Phòng GD&ĐT Văn Giang)

Trường:.....

I. CẤP TIỂU HỌC

TT	Tên đơn vị	Số GV tiếng Anh	Số GV tiếng Anh đạt chuẩn B2	Tổng số học sinh của trường	Số học sinh lớp 1,2	Cụ thể số HS lớp 3	Số HS học Chương trình 10 năm	Số HS lớp 1, 2 học Tiếng Anh	Số HS học 2 tiết/tuần	Số HS học 3 tiết/tuần	Số HS học 4 tiết/tuần	Số HS học nhiều hơn 4 tiết/tuần
1	Trường											
2	Trường											
3	Trường											
4											
Tổng												

Lưu ý: Các nhà trường báo cáo số liệu tính đến ngày 31/12/2021; Chương trình 10 năm là chương trình tiếng Anh được dạy từ lớp 3 (lớp 1,2 là chương trình dạy tự chọn);

II. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Tên đơn vị	Tổng số GV tiếng Anh	Số GV đạt chuẩn B2	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số HS học Chương trình 10 năm	Số HS học Chương trình 7 năm	Số HS học 2 tiết/tuần	Số HS học 3 tiết/tuần	Số HS học 4 tiết/tuần	Số HS học nhiều hơn 4 tiết/tuần
1	Trường THCS ...										
2	Trường THCS										
3	Trường THCS										
4										
Tổng											

Lưu ý: Các nhà trường báo cáo số liệu tính đến ngày 31/12/2021.

UBND HUYỆN VĂN GIANG
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **74**/PGDĐT-TKKH
V/v thực hiện khai báo y tế trên cơ sở
dữ liệu ngành

Văn Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường TH và THCS Phụng Công;
- Các lớp Mầm non độc lập trên địa bàn huyện.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và thông tin đáp ứng trong tình hình dịch bệnh Covid phức tạp hiện nay;

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang yêu cầu các nhà trường, các lớp mầm non độc lập (các cơ sở giáo dục) triển khai thực hiện việc khai báo y tế trên cơ sở dữ liệu ngành, cụ thể như sau:

- Tổ chức nghiên cứu Hướng dẫn khai báo thông tin y tế trên cơ sở dữ liệu ngành (tài liệu đính kèm);
- Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời việc khai báo thông tin về tiêm vắc-xin đối với cán bộ, giáo viên và học sinh; thực hiện khai báo các trường hợp F0, F1; báo cáo số ... trên cơ sở dữ liệu ngành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cơ sở giáo dục liên hệ với ông Đàm Huy Đông (ĐT 0987258325) để tìm cách giải quyết.

Đề nghị các cơ sở giáo dục thực hiện tốt các nội dung trên/

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 77/GD&ĐT-CNTT

V/v thông báo các lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao trong các sản phẩm Microsoft công bố tháng 03/2022

Văn Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trong huyện;
- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phụng Công.

Theo thông báo của Cục An toàn thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông về lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao trong các sản phẩm Microsoft, với 71 lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm của Microsoft. Trong đó đáng chú ý các lỗ hổng bảo mật sau:

- 02 lỗ hổng bảo mật CVE-2022-21990, CVE-2022-23285 trong Remote Desktop Client cho phép đối tượng tấn công thực thi mã từ xa. Lỗ hổng này đã có mã khai thác được công bố rộng rãi trên Internet.

- Lỗ hổng về bảo mật CVE-2022-24459 trong Windows Fax và Scan Service cho phép đối tượng tấn công thực hiện tấn công leo thang đặc quyền.

- Lỗ hổng bảo mật CVE-2022-24508 trong SMBv3 cho phép đối tượng tấn công thực thi mã từ xa trên Windows SMBv3 Client/Server.

- Lỗ hổng bảo mật CVE-2022-23277 trong Microsoft Exchange Server cho phép đối tượng tấn công thực thi mã từ xa với tài khoản xác thực hợp lệ.

- Lỗ hổng bảo mật CVE-2022-21967 trong Xbox Live Auth Manager for Windows cho phép đối tượng tấn công thực hiện tấn công leo thang đặc quyền.

- Lỗ hổng bảo mật CVE-2022-22006 trong HEVC Video Extensions cho phép đối tượng tấn công thực thi mã từ xa.

- Lỗ hổng bảo mật CVE-2022-24501 trong cho phép đối tượng tấn công thực thi mã từ xa.

Để đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các nhà trường thực hiện rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật trên theo khuyến nghị sau:

1. Thực hiện Kiểm tra, rà soát, xác định máy sử dụng hệ điều hành Windows có khả năng bị ảnh hưởng. Thực hiện cập nhật bản vá kịp thời để tránh nguy cơ bị tấn công (tham khảo hướng dẫn kèm theo Công văn số 315/CATTT-NCSC gửi kèm).

2. Tăng cường giám sát và sẵn sàng phương án xử lý khi phát hiện có dấu hiệu bị khai thác, tấn công mạng; đồng thời thường xuyên theo dõi kênh cảnh báo của các cơ quan chức năng và các tổ chức lớn về an toàn thông tin để phát hiện kịp thời các nguy cơ tấn công mạng.

3. Trong trường hợp cần thiết cần hỗ trợ các nhà trường liên hệ đầu mối hỗ trợ của Cục An toàn thông tin: Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC), điện thoại 02432091616, thư điện tử: ais@mic.gov.vn.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các nhà trường quan tâm chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, CNTT.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 85/GD&ĐT-TCCB

Văn Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2022

V/v hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng
giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022

Kính gửi:

- Các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 482 /SGDDĐT-TCCB ngày 24/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022 như sau:

1. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030

- Chủ động triển khai các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới theo Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2030 và Chương trình truyền thông về bình đẳng giới tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

- Rà soát, đánh giá các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã và đang được triển khai tại địa phương, đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động, tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình ở những địa bàn, lĩnh vực còn tình trạng bất bình đẳng giới hoặc nguy cơ xảy ra bạo lực trên cơ sở giới; chủ động bố trí kinh phí, khuyến khích huy động các nguồn lực để duy trì và nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 tại đơn vị: bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch để xây dựng chỉ tiêu cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị; tăng cường phối hợp trong triển khai; bố trí nguồn lực để thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới ở những lĩnh vực đang có nhiều tồn tại, thách thức.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025, trong đó, quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, mô hình về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

2. Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021- 2025 và Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng và đổi mới, nhất là truyền thông trực tiếp và truyền thông qua ứng dụng công nghệ số, khai thác những thuận lợi của công nghệ thông tin vào các loại hình truyền thông trên nền tảng số để mọi người dễ tiếp cận, dễ quan sát và thực hành nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của giới trong xã hội.

- Tăng cường đổi mới về nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng công tác truyền thông. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là hệ thống thông tin cơ sở; xây dựng, phát hành các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, áp - phích, pa-no, khẩu hiệu, video clip, sổ tay nghiệp vụ phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường tuyên truyền, giới thiệu các mô hình dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới tại địa phương; nhân rộng những điển hình tốt, người có uy tín, ảnh hưởng tích cực tại cộng đồng và thu hút sự tham gia của nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới; tích cực đấu tranh, phản bác những thông tin sai lệch về bình đẳng giới của Việt Nam, của tỉnh, của huyện.

- Tích cực xây dựng, phát hành các sản phẩm truyền thông; tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép trong các hoạt động của đơn vị.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền giới thiệu về các mô hình, dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới tại địa phương; nhân rộng những điển hình tốt, người có uy tín, ảnh hưởng tích cực tại cộng đồng và thu hút sự tham gia của nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2022 hiệu quả, sáng tạo, tiết kiệm, có sức lan tỏa.

3. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ

- Tiếp tục triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, trong đó chú trọng công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong kiểm tra, xây dựng và đề xuất chính sách liên quan; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để tăng tính bền vững, hiệu quả việc thực hiện công tác bình đẳng giới.

- Tham mưu thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của đơn vị.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ thanh tra, tư pháp, thành viên Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của các đơn vị. - Tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bình đẳng giới thuộc phạm vi đơn vị quản lý; kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Tổ chức khen thưởng, biểu dương kịp thời các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Trên đây là một số nội dung trọng tâm trong công tác hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022, đề nghị các đơn vị căn cứ đặc điểm tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị cụ thể hóa cho phù hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: **86** /PGDDĐT-CTTT
V/v triển khai xây dựng các mô hình
tự quản về ANTT trong và xung quanh
khu vực trường học

Văn Giang, ngày **28** tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công;
- Các cơ sở Giáo dục Mầm non độc lập.

Thực hiện Công văn số 471/SGDDĐT-CTTT-GDCN ngày 23/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về việc triển khai xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự trong và xung quanh khu vực trường học. Phòng Giáo dục và Đào tạo Văn Giang yêu cầu các nhà trường, các đơn vị giáo dục thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới” tới tất cả cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

2. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương về công tác đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của địa phương về trật tự nơi công cộng, trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông và công tác phòng, chống dịch Covid-19.

3. Các cơ sở giáo dục, các nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự trong và xung quanh nhà trường; xây dựng các điển hình tiên tiến đấu tranh phòng, chống tội phạm, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trong và xung quanh khu vực trường học; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tự giác, tích cực tham gia phòng, chống các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo PGD;
- Lưu: VT,CTTT.



Lê Thị Tĩnh

Số: 85/GD&ĐT-TCCB

Văn Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2022

V/v hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng
giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022

Kính gửi:

- Các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong huyện;
- Trường Tiểu học và THCS Phụng Công.

Thực hiện Công văn số 482 /SGDDĐT-TCCB ngày 24/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022 như sau:

1. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030

- Chủ động triển khai các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới theo Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2030 và Chương trình truyền thông về bình đẳng giới tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

- Rà soát, đánh giá các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã và đang được triển khai tại địa phương, đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động, tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình ở những địa bàn, lĩnh vực còn tình trạng bất bình đẳng giới hoặc nguy cơ xảy ra bạo lực trên cơ sở giới; chủ động bố trí kinh phí, khuyến khích huy động các nguồn lực để duy trì và nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 tại đơn vị: bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch để xây dựng chỉ tiêu cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị; tăng cường phối hợp trong triển khai; bố trí nguồn lực để thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới ở những lĩnh vực đang có nhiều tồn tại, thách thức.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025, trong đó, quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, mô hình về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

2. Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021- 2025 và Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng và đổi mới, nhất là truyền thông trực tiếp và truyền thông qua ứng dụng công nghệ số, khai thác những thuận lợi của công nghệ thông tin vào các loại hình truyền thông trên nền tảng số để mọi người dễ tiếp cận, dễ quan sát và thực hành nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của giới trong xã hội.

- Tăng cường đổi mới về nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng công tác truyền thông. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là hệ thống thông tin cơ sở; xây dựng, phát hành các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, áp - phích, pa-no, khẩu hiệu, video clip, sổ tay nghiệp vụ phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường tuyên truyền, giới thiệu các mô hình dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới tại địa phương; nhân rộng những điển hình tốt, người có uy tín, ảnh hưởng tích cực tại cộng đồng và thu hút sự tham gia của nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới; tích cực đấu tranh, phản bác những thông tin sai lệch về bình đẳng giới của Việt Nam, của tỉnh, của huyện.

- Tích cực xây dựng, phát hành các sản phẩm truyền thông; tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép trong các hoạt động của đơn vị.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền giới thiệu về các mô hình, dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới tại địa phương; nhân rộng những điển hình tốt, người có uy tín, ảnh hưởng tích cực tại cộng đồng và thu hút sự tham gia của nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2022 hiệu quả, sáng tạo, tiết kiệm, có sức lan tỏa.

3. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ

- Tiếp tục triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, trong đó chú trọng công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong kiểm tra, xây dựng và đề xuất chính sách liên quan; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để tăng tính bền vững, hiệu quả việc thực hiện công tác bình đẳng giới.

- Tham mưu thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của đơn vị.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ thanh tra, tư pháp, thành viên Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của các đơn vị. - Tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bình đẳng giới thuộc phạm vi đơn vị quản lý; kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Tổ chức khen thưởng, biểu dương kịp thời các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Trên đây là một số nội dung trọng tâm trong công tác hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022, đề nghị các đơn vị căn cứ đặc điểm tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị cụ thể hóa cho phù hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 01 /KH-UBND

Văn Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác gia đình huyện Văn Giang năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-BCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022 của Ban Chỉ đạo công tác gia đình tỉnh Hưng Yên về việc triển khai Công tác gia đình tỉnh Hưng Yên năm 2022, Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện Văn Giang ban hành Kế hoạch triển khai công tác gia đình năm 2022 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng và các thành viên trong gia đình về vai trò, vị trí và tầm quan trọng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, từng bước ổn định, ngăn chặn các tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến gia đình và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

c) Phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và các địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong năm 2022.

2. Yêu cầu

a) Các hoạt động triển khai phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị;

b) Các cấp, các ngành, đoàn thể, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với các nội dung Kế hoạch của huyện, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị và điều kiện cụ thể của cấp, ngành, đoàn thể, địa phương.

II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và cộng đồng về tầm

quan trọng, vị trí, vai trò của gia đình và xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi trong gia đình và phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; bình đẳng giới trong gia đình và phòng chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình; bộ quy tắc ứng xử trong gia đình;

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

c) Hướng dẫn kỹ năng điều hành, tổ chức hoạt động cho Chủ nhiệm CLB Gia đình tại các địa phương; cung cấp áp phích, tờ rơi, tờ gấp về giáo dục đạo đức, lối sống; phòng, chống bạo lực gia đình... cho các hộ gia đình trên địa bàn huyện.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

d) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhân Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11).

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội; Hội LHPN huyện; các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: Tháng 3, 6, 11 năm 2022.

đ) Tuyên truyền phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cơ quan chủ trì: Công an huyện;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

e) Tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục đạo đức, lối sống gia đình vào hoạt động ngoại khóa cho học sinh các trường học trên địa bàn huyện.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa và Thông tin; các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

2. Tổ chức Ngày hội Gia đình hạnh phúc nhân kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam 28/6.

- Cơ quan chủ trì: Hội LHPN huyện;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: Tháng 6 năm 2022.

3. Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình, CLB về gia đình tại cơ sở.

a) Xây dựng, triển khai, nhân rộng và duy trì mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đơn vị chủ trì: UBND các xã, thị trấn;

- Đơn vị phối hợp: Phòng Văn hóa và Thông tin, Hội LH Phụ nữ huyện;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên cả năm.

b) Hỗ trợ xây dựng, hoạt động các CLB gia đình

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên cả năm.

c) Duy trì, nhân rộng và nâng cao hiệu quả mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng nhằm giảm thiểu tác hại của bạo lực ngay từ cấp cộng

đồng qua việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp cho nạn nhân bị bạo lực. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ phòng, ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới ở cộng đồng.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin;

- Đơn vị phối hợp: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Công an huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên cả năm.

d) Xây dựng, phát hành các ấn phẩm, tài liệu, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, phổ biến kiến thức về xây dựng gia đình hạnh phúc; phòng, chống bạo lực gia đình; giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị tốt đẹp trong gia đình...tới các địa phương, các xã, thị trấn, CLB Gia đình hạnh phúc và các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là học sinh, sinh viên trong xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

- Cơ quan chủ trì: phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên cả năm.

đ) Tổ chức tập huấn cho thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ; cán bộ, chiến sĩ làm công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cơ quan chủ trì: Công an huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2022.

4. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác gia đình cơ sở.

- Cơ quan chủ trì: phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: Quý II, III năm 2022.

5. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực gia đình trong đó có pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, các quy định quy phạm khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng gia đình văn hóa.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: thường xuyên cả năm.

6. Thu thập, báo cáo, quản lý dữ liệu, số liệu về gia đình theo Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL quy định việc thu thập, báo cáo thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: Tháng 6, 12/2022.

7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác gia đình và thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn;

- Thời gian thực hiện: Quý III/2022.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh và UBND huyện.

III. KINH PHÍ

1. Phòng Văn hóa và Thông tin, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện: Sử dụng kinh phí được cấp cho Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có).

2. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện: Căn cứ nội dung kế hoạch triển khai công tác gia đình năm 2022, chủ động cân đối nguồn kinh phí, lồng ghép triển khai thực hiện nhiệm vụ từ nguồn kinh phí được giao năm 2022 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có).

3. UBND các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, bố trí nguồn kinh phí thực hiện công tác gia đình theo phân cấp ngân sách hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản và tổ chức, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến nội dung, tài liệu của Trung ương, tỉnh, huyện về lĩnh vực gia đình; kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện công tác gia đình tại các xã, thị trấn, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác gia đình;

b) Chủ trì, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trọng tâm về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022;

c) Tổ chức các hoạt động cấp huyện và tham gia hoạt động do tỉnh tổ chức theo Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí cho Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

3. Phòng Nội vụ huyện

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tham mưu UBND huyện khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

Chỉ đạo, triển khai lồng ghép giữa giáo dục trong nhà trường và các hoạt động ngoại khóa về các nội dung như: Giáo dục đạo đức, lối sống gia đình, ứng xử tốt đẹp trong gia đình và triển khai các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn huyện.

5. Phòng Tư Pháp huyện

a) Lồng ghép tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; hướng dẫn Tư pháp các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cùng cấp tổ chức hỗ trợ, tư vấn pháp luật, ổn định tâm lý cho nạn nhân bạo lực gia đình.

b) Trợ giúp pháp lý hỗ trợ các điều kiện pháp lý cần thiết cho người dân và nạn nhân bạo lực gia đình.

6. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện

a) Lồng ghép nội dung công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới vào nội dung tuyên truyền về Luật

Bình đẳng giới, Luật Trẻ em, Luật Người cao tuổi; phụng dưỡng người cao tuổi trong gia đình và phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

b) Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện việc chăm sóc, tư vấn tâm lý, bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho nạn nhân bạo lực gia đình.

7. Công an, Toàn án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân huyện

a) Chủ động phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới gia đình, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người dân đặc biệt là người già, phụ nữ và trẻ em.

8. Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh huyện

Thường xuyên tuyên truyền nội dung các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực gia đình, về hoạt động công tác gia đình trên địa bàn huyện, giới thiệu biểu dương những gương tốt, cá nhân, gia đình, tập thể điển hình tiêu biểu tích cực tham gia xây dựng phong trào, tập trung tuyên truyền Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) và Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11).

9. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác gia đình trên địa bàn huyện.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, pháp luật, về phòng, chống bạo lực gia đình trong hội viên, đoàn viên thanh niên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện.

c) Tăng cường tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về phòng, chống bạo lực gia đình; khuyến khích, vận động hội viên tham gia nhân rộng mô hình Câu lạc bộ, đội, nhóm về phòng, chống bạo lực gia đình, đăng ký làm địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

10. UBND các xã, thị trấn

a) Hàng năm thực hiện việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Công tác gia đình xã, thị trấn và chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động công tác gia đình năm 2022 trên địa bàn xã, thị trấn.

b) Đưa các mục tiêu về công tác gia đình vào Kế hoạch Phát triển kinh tế-xã hội dài hạn và ngắn hạn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

c) Cân đối, bố trí ngân sách từ nguồn chi thường xuyên của địa phương và huy động, vận động các nguồn lực hỗ trợ công tác gia đình.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn tổ chức, triển khai thực hiện tốt các hoạt động liên quan tới công tác gia đình.

đ) Căn cứ Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện và gửi báo cáo kết quả hoạt động công tác gia đình hàng tháng, hàng quý và cả năm 2022 về UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác gia đình năm 2022 của Ban Chỉ đạo Công tác gia đình huyện Văn Giang./.

Nơi nhận:

- BCD công tác gia đình tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Thành viên BCD CTGD huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: BCD, VHHT.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Thị An**

Số: 08/KH-PGDĐT

Văn Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn
giao thông trong trường học năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 356/KH-SGDĐT ngày 07/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyên truyền giáo dục an toàn giao thông (ATGT) trong trường học năm 2022 như sau:

I. Mục đích

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục ATGT trong các cơ sở giáo dục; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ và giải pháp của ngành Giáo dục huyện Văn Giang theo nội dung chỉ đạo tại Kế hoạch số 356/KH-SGDĐT ngày 07/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2022.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa nhằm nâng cao kiến thức, ý thức trách nhiệm, kỹ năng tham gia giao thông an toàn và ứng xử có văn hóa khi tham gia giao thông cho toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động và học sinh. Hạn chế học sinh vi phạm pháp luật về ATGT, góp phần giảm thiểu vi phạm ATGT, tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông.

II. Yêu cầu

1. Bám sát nội dung Kế hoạch số 356/KH-SGDĐT ngày 07/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2022; Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2022 với chủ đề “Xây dựng văn hóa giao thông an toàn gắn với kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” với tinh thần “Vì sức khỏe, sinh mạng của người tham gia giao thông”.

2. Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật và xây dựng văn hóa giao thông an toàn cho tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động và học sinh, sinh viên; xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trong các cơ sở giáo dục, các nhà trường thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trong kế hoạch, có giải pháp để thực hiện kế hoạch một cách thiết thực, hiệu quả, có tính khả thi đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị

3. Kết hợp giáo dục tích hợp trong chương trình chính khóa và các hoạt động giáo dục gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua lớn của Ngành và các hoạt động của nhà trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, Internet và mạng xã hội, sử dụng băng đĩa, phim ảnh, các ứng dụng ... để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục ATGT trong trường học.

4. Tăng cường phối hợp, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, đặc biệt là các tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ATGT cho học sinh.

III. Nội dung phổ biến, tuyên truyền, giáo dục

1. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ

Tuyên truyền, giáo dục cho học sinh pháp luật về ATGT đường bộ với các nội dung cụ thể như sau:

a) Các quy định về tín hiệu giao thông đường bộ, biển báo hiệu giao thông đường bộ (biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn) về màu sắc, hình dạng...; hiệu lệnh của tín hiệu đèn giao thông, hiệu lệnh và chỉ dẫn của báo hiệu đường bộ, hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông.

b) Ngồi trên xe đạp, xe đạp điện, xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô, xe buýt an toàn và đi bộ an toàn; độ tuổi của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy; quy định bắt buộc về đội mũ bảo hiểm; các kỹ năng điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện an toàn; cách phòng tránh tai nạn giao thông.

c) Quy định của pháp luật về nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ; quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm; các kỹ năng bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông; cảnh báo các lỗi vi phạm thường mắc phải, nguy cơ xảy ra tai nạn, nguyên nhân, hậu quả của tai nạn giao thông.

d) Các quy định về phòng, chống dịch COVID-19 khi tham gia giao thông.

2. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt

Tuyên truyền, giáo dục cho học sinh thực hiện nghiêm túc các quy định về việc bảo đảm ATGT đường sắt, đặc biệt là các hành vi bị nghiêm cấm như sau:

a) Phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt, tự ý di chuyển hoặc làm sai lệch các công trình, thiết bị báo hiệu, biển báo hiệu cố định trên đường sắt; treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lệch tín hiệu giao thông đường sắt; không vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng, vượt rào ngăn giữa đường sắt với khu vực xung quanh, để vật chướng ngại, chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

b) Đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy;

mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và các vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy; đi, đứng, nằm, ngồi trên đường sắt, ném đất, đá hoặc các vật khác lên tàu.

3. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa

a) Tuyên truyền, giáo dục học sinh khi đi đò phải mặc áo phao hoặc sử dụng cặp phao, dụng cụ cứu sinh; chấp hành nghiêm túc các quy định về bảo đảm an toàn khi sử dụng phương tiện giao thông đường thủy.

b) Chỉ đạo, triển khai việc phòng tránh tai nạn đuối nước trong học sinh; tổ chức huấn luyện kỹ năng phòng tránh đuối nước cho học sinh khi đi tham quan, dã ngoại, hạn chế tổ chức hoạt động tham quan vào mùa mưa lũ, vùng nguy hiểm... để đảm bảo an toàn.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng giáo dục và đào tạo

- Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, ATGT trong trường học năm 2022.

- Chỉ đạo các nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền về việc thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của chính phủ quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng cho cán bộ, nhà giáo.

- Chỉ đạo các đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai và nhân rộng mô hình phối hợp Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa giao thông cho học sinh.

- Tổ chức triển khai Chương trình “An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ” năm 2022 cho học sinh tiểu học; Chương trình “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” năm 2022 cho học sinh, giáo viên THCS; Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” cho trẻ mầm non theo hướng dẫn, quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai chương trình, tài liệu giảng dạy ATGT trong chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định, hiệu quả, thiết thực theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Nghiêm túc thực hiện việc tổ chức cho phụ huynh học sinh ký cam kết về việc đội mũ bảo hiểm cho học sinh khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện tham gia giao thông.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông” tại Hưng Yên năm 2022.

- Chỉ đạo các nhà trường tiếp nhận thông tin học sinh vi phạm quy định ATGT do cơ quan công an gửi và thông báo tới các trường học để xem xét giáo dục, nhắc nhở theo quy định và phối hợp với phụ huynh học sinh nhắc nhở, giáo dục học sinh; giao cho giáo viên chủ nhiệm có hình thức kiểm tra, giám sát, nhắc nhở hàng ngày đối với học sinh vi phạm.

- Nghiêm cấm việc điều khiển, dừng đỗ trái phép các phương tiện giao thông trong khuôn viên trường học trong giờ học, giờ sinh hoạt và vui chơi của học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; bảo đảm tuyệt đối an toàn đối với học sinh và mọi cá nhân trong khuôn viên nhà trường.

- Chỉ đạo các nhà trường trên địa bàn có hợp đồng xe ô tô đưa, đón học sinh đi học phải lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ có uy tín, xe đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật để vận hành an toàn, lái xe phải có ý thức tốt, giao tiếp, ứng xử với học sinh có văn hóa và nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công văn số 301/PGDDĐT-CTTT ngày 06/12/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các quy định về phương tiện đưa đón học sinh bằng xe ô tô.

- Chỉ đạo các nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, sử dụng hiệu quả các tài liệu giáo dục đáp ứng quy định của pháp luật; chú trọng giáo dục trang bị nhóm các kỹ năng tự bảo vệ bản thân, đảm bảo ATGT.

- Đưa nội dung pháp luật về trật tự ATGT vào nội quy nhà trường.

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm trật tự ATGT; xử lý nghiêm những tập thể và cá nhân vi phạm.

2. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu tại Kế hoạch số 08/KH-PGDĐT ngày 08/3/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trong trường học năm 2022 và các văn bản chỉ đạo của Ban An toàn giao tỉnh về triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với chủ đề “Xây dựng văn hóa giao thông an toàn gắn với kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” với tinh thần “Vì sức khỏe, sinh mạng của người tham gia giao thông”.

- Quán triệt tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện nghiêm túc quy định đã uống rượu, bia không điều khiển phương tiện tham gia giao thông, quy định về đội mũ bảo hiểm; không điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe; không sử dụng điện thoại khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông; mặc áo phao khi đi đò; các biện pháp phòng tránh dịch COVID-19 khi tham gia giao thông theo khuyến cáo của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nội dung về giáo dục ATGT trong trong các hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên và các hệ thống thông tin hiện có của nhà trường.

- Tăng cường tuyên truyền về việc thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của chính phủ quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng cho cán bộ, nhà giáo và sinh viên.

- Tuyên truyền, giáo dục ATGT cho học sinh qua việc tổ chức các diễn đàn, tọa đàm chuyên đề về các hành vi bị cấm khi tham gia giao thông, quy định của pháp luật về nồng độ cồn, nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông và các kỹ năng khi tham gia giao thông an toàn; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Luật Giao thông đường bộ, sân khấu hóa, viết bài, tuyên truyền qua phát thanh nội bộ về ATGT.

Số: 09 /KH-GD&ĐT

Văn Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng Phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 360/KH-SGDĐT ngày 08/03/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về Phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022,

Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch Phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng Phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2022, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan năm 2022 nhằm góp phần xây dựng, phát triển Chính quyền số, gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng của huyện và của ngành giáo dục tỉnh.

b) Từng bước thực hiện chuyển đổi hoạt động của cơ quan lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định, chuyển đổi số phải toàn trình, từ đầu đến cuối.

c) Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; minh bạch hóa, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, giảm bớt thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ tiện ích số mang lại giá trị gia tăng cho mọi người dân, mọi lúc, mọi nơi, thân thiện, dễ dàng sử dụng.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Phối hợp tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số.

b) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Đảm bảo 100% công chức, viên chức trong các cơ quan được trang bị máy tính phục vụ công việc.

- Kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

- Phòng GD&ĐT sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành có tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ xử lý công việc.

- 100% công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ của tỉnh trong hoạt động công vụ.

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Công thông tin của Phòng GD&ĐT và các đơn vị giáo dục cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết bằng hình thức trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Phòng GD&ĐT và 100% các đơn vị trường học có cán bộ phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin.

- 100% cán bộ, công chức chuyên trách CNTT, an toàn thông tin được đào tạo, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh từ cấp trung học cơ sở trở lên trên địa bàn huyện.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng cơ chế, chính sách và công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo để triển khai thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong cơ quan và ngành giáo dục và đào tạo, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật trong công tác quản lý, điều hành công việc, trao đổi văn bản điện tử qua mạng của các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức trong đơn vị.

b) Khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp; xây dựng các quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

c) Phối hợp thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;...đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung, hướng tới hình thành hạ tầng số cho Chính quyền số.

b) Tăng cường triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh; đảm bảo hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

c) Bổ sung trang thiết bị đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin, duy trì hoạt động thông suốt các phần mềm dùng chung, các hệ thống của tỉnh như: Hệ thống thông tin giáo dục Hưng Yên, Hệ thống Hội nghị trực tuyến; Cổng Thông tin điện tử của ngành tỉnh.

3. Phát triển các nền tảng, hệ thống

a) Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo kết nối các hệ thống chia sẻ dữ liệu của Sở GD&ĐT. Tạo ra dữ liệu lớn của tỉnh phục vụ cho phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Phối hợp xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Hưng Yên gắn với xây dựng Đô thị thông minh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật.

4. Phát triển dữ liệu

a) Trong năm 2022, tiếp tục triển khai, ứng dụng các Phần mềm, cơ sở dữ liệu do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT triển khai.

b) Từng bước thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa, xây dựng dữ liệu nền, CSDL dùng chung, các CSDL chuyên ngành, tạo lập kho dữ liệu dùng chung và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội. Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Sử dụng hiệu quả Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, đảm bảo kết nối liên thông, thông suốt để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử tới các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện và Sở GD&ĐT Hưng Yên; Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND, ngày 5/7/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế Tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Tích cực sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Hưng Yên phục vụ trao đổi công việc giữa các cơ quan Nhà nước.

c) Thường xuyên sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

d) Đảm bảo và duy trì hoạt động ổn định Cổng thông tin điện tử của Phòng và các cổng thông tin điện tử của các đơn vị trường học ngành giáo dục, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; tạo môi trường giao tiếp giữa người dân, doanh

nghiệp với chính quyền, đưa tin, bài phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế; công bố các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh; các thông tin tuyên dụng, đào tạo; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ, văn bản đi, đến của các sở, ban, ngành; đăng tải các dịch vụ công trực tuyến;...

e) Thực hiện tốt Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Hoàn thành xác định cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Thực hiện kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ lãnh đạo cán bộ, công chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

b) Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Tuyên truyền, quảng bá, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng CNTT, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ triển khai trên địa bàn tỉnh.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số.

c) Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia, góp ý của người dân trong các hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước.

d) Tuyên truyền người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Tăng cường tổ chức triển khai các ứng dụng, nền tảng, dịch vụ bằng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)...trong ngành giáo dục.

b) Triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các đơn vị trong và ngoài tỉnh.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

a) Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về xây dựng Chính quyền điện tử của ngành.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cấp, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị nhằm xây dựng thành công Chính quyền điện tử.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các cơ quan nhà nước trong các đơn vị, trường học.

- Bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên đã ban hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn vốn hỗ trợ theo các Chương trình mục tiêu và Ngân sách theo phân cấp, các nguồn kinh phí khác.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các nhiệm vụ thực hiện năm 2022 tại Phụ lục số 1 kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này đảm bảo đúng mục tiêu đã đề ra. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao trong Kế hoạch.

b) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị, trường học trong việc cung cấp, cập nhật, bổ sung các danh mục, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

b) Đưa tiêu chí Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của cơ quan, đơn vị trường học để đánh giá thi đua, khen thưởng của đơn vị.

5. Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và THCS

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch riêng tại đơn vị, tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LD Phòng;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

DANH MỤC
CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI
SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022
 (Kèm theo Kế hoạch số 09/KH-GDDT ngày 15/3/2022 của Phòng GD&ĐT)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp
1	Nâng cấp, Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, trường học trên địa bàn huyện	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Các đơn vị trường học
2	Duy trì hoạt động hệ thống mạng nội bộ LAN, thuê đường truyền của các cơ quan, đơn vị; thay thế các thiết bị tường lửa bị hỏng, thiết bị hội nghị truyền hình; mua sắm, thay thế các thiết bị, máy tính cũ; Trang bị, bổ sung thiết bị đảm bảo điều kiện để thực hiện kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.	Phòng Giáo dục & Đào tạo	
3	Xây dựng trường học số	Phòng Giáo dục & Đào tạo	
4	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khóa học trực tuyến chuẩn hoá phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Các đơn vị trường học
5	Đào tạo tập huấn sử dụng các ứng dụng CNTT dùng chung phục vụ xử lý công việc	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Các đơn vị trường học

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Triển khai thực hiện Kế hoạch số 28/KH-BCĐ ngày 11/02/2020
của Ban chỉ đạo Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”
tỉnh Hưng Yên**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đến tất cả các cấp học, bậc học trong toàn ngành.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ngành trong thực hiện Cuộc vận động; Tạo được sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Nâng cao hơn nhận thức của cán bộ và giáo viên trong việc tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng, góp phần thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 18/01/2016 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 28/KH-BCĐ ngày 11/02/2020 của Ban chỉ đạo cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tỉnh Hưng Yên.

2. Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền việc thực hiện Cuộc vận động theo tinh thần Thông báo Kết luận số 264 - TB/TW, ngày 31/7/2009 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 24/CT-TTg, ngày 17/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tri số 36/TTr -MTTQTW-BTT ngày 16/9/2009 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQVN; Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 18/01/2016 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 28/KH-BCĐ ngày 11/02/2020 của Ban chỉ đạo cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tỉnh Hưng Yên, tới cán bộ quản lý, giáo viên trong toàn ngành.

3. Tuyên truyền, vận động các đơn vị, bằng việc làm cụ thể, thiết thực, gương mẫu trong việc sử dụng trang thiết bị văn phòng là sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam sản xuất; đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức cần

thể hiện tính tiên phong, gương mẫu và tạo thói quen sử dụng hàng Việt Nam trong các hoạt động của cơ quan, kể cả trong sinh hoạt của cá nhân, gia đình.

4. Lồng ghép việc triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng nông thôn mới, với các chương trình, mục tiêu, đề án quốc gia và các phong trào thi đua yêu nước đang được phát động ở cơ sở, triển khai sâu rộng Cuộc vận động, hướng mọi người đến nhận thức hàng Việt là lựa chọn số một.

5. Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, chống buôn bán, tiêu thụ hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng hóa không rõ nguồn gốc; quản lý chất lượng, giá cả sản phẩm. Đề nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thực hiện tốt các quy định về chính sách bảo vệ người tiêu dùng; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tuyên truyền, vận động, phổ biến các nội dung Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 18/01/2016 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 28/KH-BCĐ ngày 11/02/2020 của Ban chỉ đạo cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch hành động Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2022 của Ngành giáo dục và đào tạo .

- Tăng cường công tác phối hợp, tham mưu nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết định kỳ, tổ chức khen thưởng kịp thời và thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo.

2. Các cơ sở giáo dục

- Các sở giáo dục có trách nhiệm nghiên cứu, tuyên truyền quán triệt các nội dung Kế hoạch hành động Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2022.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm với cấp trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Phòng;
- Công TTTT Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TKKH.



Đào Thị Bích Ngọc

Số: 11/KH-PGDĐT

Văn Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH
Phát triển Công tác xã hội ngành Giáo dục và Đào tạo
giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 402/KH-GDĐT ngày 14/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về phát triển Công tác xã hội ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025; Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch phát triển Công tác xã hội trong ngành Giáo dục huyện Văn Giang giai đoạn 2021-2025 với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục phát triển công tác xã hội trong ngành Giáo dục phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nâng cao nhận thức của ngành giáo dục về công tác xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; thiết lập mạng lưới viên chức, nhân viên công tác xã hội trong trường học.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Đến năm 2025, đạt trên 60% số cơ sở giáo dục thực hiện phân công, bố trí nhân sự làm công tác xã hội.
- b) Đạt tối thiểu 50% cơ sở giáo dục trong quy hoạch có cung cấp dịch vụ công tác xã hội; 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ công tác xã hội.
- c) Bảo đảm ít nhất 90% học sinh yếu thể trong trường học được phát hiện, được trợ giúp xã hội và được cung cấp dịch vụ công tác xã hội phù hợp từ nguồn lực xã hội hóa.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao vai trò của cơ quan giáo dục các cấp, cán bộ nhà giáo, gia đình và xã hội triển khai công tác xã hội trong các trường học.

a) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn tại các văn bản pháp luật, chỉ đạo của các cấp quản lý về công tác xã hội trong trường học, trong đó chú trọng: Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030, Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; Chỉ thị số 933/CT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường các giải pháp phòng chống bạo lực học đường; Kế hoạch số 126/KH-

UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 105/KH-PGDĐT ngày 06/5/2019 của Phòng GD&ĐT triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang; Quy chế phối hợp số 1542/QCPH-CAT-GDĐT ngày 25/8/2017 của Công an tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo về phối hợp thực hiện công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Chương trình phối hợp số 706/CTPH-SLĐT BXH-SGDĐT ngày 23/3/2020 về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến năm 2025; Kế hoạch 53/KH-UBND ngày 8/4/2020 về Triển khai Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường các giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho HSSV; Kế hoạch số 172/KH-PGDĐT ngày 10/8/2020 của Phòng GD&ĐT Văn Giang về KH Triển khai thực hiện tăng cường các giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho HSSV giai đoạn 2020-2025; Công văn số 295/PGDĐT ngày 28/12/2018 về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng ngừa bạo lực học đường; Kế hoạch số 757/KH-SGDĐT ngày 10/5/2021 của Sở GD và ĐT về Kế hoạch Triển khai hành động vì trẻ em ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 09/4/2021 về Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch phối hợp số 2907/KHPPH-VNPT-VCB-PTTH-GDĐT ngày 24/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, VNPT Hưng Yên, Vietcombank Hưng Yên và Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh về tổ chức triển khai chương trình trao tặng học bổng “Chắp cánh ước mơ” năm học 2021 - 2022
... và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

b) Khuyến khích xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong trường học; tăng cường sự phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị, tổ chức liên quan: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh huyện, Công an huyện, VNPT Văn Giang ... để phát triển công tác xã hội trong ngành Giáo dục.

2. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức xã hội địa phương, tham mưu phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trường học; đa dạng hóa các hình thức và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ xã hội trường học, phù hợp với nhu cầu và bối cảnh xã hội; xây dựng tiêu chí hoạt động công tác xã hội của các cơ sở giáo dục. Triển khai tài liệu hướng dẫn (*Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến phát hành Quý II/2022*) và thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho nhóm học sinh đặc thù: khuyết tật, khó khăn tâm lý, nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt...

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và xây dựng hướng dẫn về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, cộng tác viên, giáo viên kiêm nhiệm công tác xã hội trong trường học, cơ sở giáo dục.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật và đạo đức nghề công tác xã hội của đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác viên cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong các nhà trường. Đồng thời, tổng kết, đánh giá thực tiễn dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục, tham mưu cơ chế, chính sách để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác viên cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục.

5. Chú trọng truyền thông, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về vai trò, vị trí công tác xã hội trường học. Chú trọng việc chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn và đối tượng yếu thế khác. Phối hợp với cơ quan truyền thông đại chúng, như phòng Văn hóa, Thông tin, báo, đài... tuyên dương các tấm gương điển hình trong công tác xã hội trường học, đồng thời chia sẻ thông tin, kinh nghiệm phát triển công tác xã hội với các đơn vị giáo dục khác.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.
2. Nguồn chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục.
3. Nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện, thị xã, thành phố các chỉ tiêu kế hoạch, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch theo giai đoạn, từng năm phù hợp với tình hình, điều kiện để triển khai tại địa phương, đơn vị;

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức, thực hiện hiệu quả công tác xã hội ngành giáo dục và đào tạo theo từng năm học và giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức tổng kết và báo cáo việc thực hiện Kế hoạch về Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Các nhà trường, cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức xã hội địa phương triển khai Kế hoạch của ngành Giáo dục và của địa phương.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nội dung, giáo dục công tác xã hội trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng trường.

- Chỉ đạo triển khai việc cung cấp số liệu lên hệ thống thông tin điện tử về nhóm người học yếu thế.

- Định kỳ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí, tổ chức triển khai công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo việc thực hiện Kế hoạch về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Email: cttt8vangiang@gmail.com

Căn cứ vào Kế hoạch phát triển Công tác xã hội trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch để triển khai, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo PGD;
- Các cơ sở giáo dục trong huyện;
- Lưu: VT, CTTT.



Lê Thị Tĩnh

Số: 12/KH-PGDĐT

Văn Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 421/KH-SGDĐT ngày 17/3/2022 về triển khai công tác phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh năm 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai công tác phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh năm 2022 với những nội dung như sau:

I. Mục đích

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục đối với nhiệm vụ đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh phổ thông.

2. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, nhà giáo, phụ huynh và học sinh về phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; Tạo sự lan tỏa, hình thành thói quen, kỹ năng chủ động phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước và phong trào tập luyện môn bơi nhằm nâng cao sức khỏe, bảo vệ bản thân trước tai nạn đuối nước.

3. Trang bị cho đội ngũ cán bộ, nhà giáo năng lực tổ chức, hướng dẫn cho học sinh, trẻ em những kiến thức, kỹ năng để phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày.

II. Thời gian thực hiện: Tháng 03 đến hết tháng 12 năm 2022

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Các phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 29/9/2021 về Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 4501/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 02/KH-PGDĐT ngày 06/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em, học sinh ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2030. Xây dựng kế hoạch chi tiết, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, triển khai hiệu quả công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh. Triển khai hiệu quả tài liệu hướng dẫn Giáo dục phòng tránh đuối nước cho học sinh tại các cơ sở giáo dục (*tài liệu đính kèm kế hoạch số 06/KH-PGDĐT ngày 06/01/2022*); chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng, hình thành cho học sinh thói quen tự ý thức, chủ động phòng tránh tai nạn thương tích, đặc biệt là tai nạn đuối nước.

- Chỉ đạo thường xuyên rà soát, kiểm tra toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp, thiết bị phục vụ việc dạy, học; thiết bị phục vụ các hoạt động vui chơi, sinh hoạt: phòng học, đồ dùng thí nghiệm, tường, rào, lan can, khu vui chơi, hệ thống điện... trong khuôn viên nhà trường, kịp thời sửa chữa, thay thế, khắc phục, đảm bảo các tiêu chí trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.

- Chỉ đạo các nhà trường, cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phát động phong trào học sinh học bơi, học các kỹ năng an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước.

- Chỉ đạo các nhà trường, cơ sở giáo dục lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, các giờ học thể dục, các tiết học cuối trước khi học sinh tan trường thường xuyên tổ chức nhắc nhở, hướng dẫn học sinh các kỹ năng nhận biết về nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, đuối nước và các kỹ năng phòng, tránh; khuyến khích nhà trường, cơ sở giáo dục tăng cường xã hội hóa, phối hợp với gia đình học sinh tổ chức dạy bơi cho học sinh trong và ngoài nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Phòng Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thị xã, thành phố và gia đình học sinh trong tổ chức quản lý, giám sát hướng dẫn học sinh đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trong dịp nghỉ hè năm 2022; phối hợp với các phòng, ban, tổ chức tại địa phương tổ chức công tác bàn giao trẻ em, học sinh trước khi nghỉ hè và phối hợp tổ chức các lớp học bơi, lớp học kỹ năng an toàn phòng chống đuối nước cho học sinh tham gia.

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên dạy bơi cho các nhà trường, cơ sở giáo dục nhằm từng bước đảm bảo số lượng, chất lượng để triển khai hiệu quả công tác phòng, chống tai nạn đuối nước cho học sinh; cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn do Sở GDĐT, Bộ GDĐT tổ chức.

- Thường xuyên cập nhật, thống kê, báo cáo tình hình tai nạn thương tích, tai nạn đuối nước của học sinh xảy ra trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai công tác an toàn trường học, công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước tại các trường học trên địa bàn quản lý..

2. Các cơ sở giáo dục trong huyện

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 14/KH-SGDĐT ngày 05/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em, học sinh ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2030. Xây dựng, triển khai kế hoạch, tổ chức hiệu quả các nhiệm vụ về an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước năm 2022. Triển khai tài liệu hướng dẫn Giáo dục phòng tránh đuối nước cho học sinh tại các nhà trường, chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng, hình thành cho học sinh thói quen tự ý thức, chủ động phòng tránh tai nạn thương tích, đặc biệt là tai nạn đuối nước.

- Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của Sở GDĐT, Bộ GDĐT về công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, bổ sung cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện, thi đấu, cải tạo ao, hồ thành hồ bơi; có kế hoạch phối hợp với cơ quan quản lý về thể dục, thể thao tại địa phương trong việc hỗ trợ sử dụng bể bơi, ao, hồ bơi trên địa bàn cho học sinh được tập luyện và thi đấu.

- Tiếp tục lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, các giờ học thể dục, các tiết học cuối trước khi học sinh tan trường thường xuyên tổ chức nhắc nhở, hướng dẫn trẻ em, học sinh các kỹ năng nhận biết về nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, đuối nước và các kỹ năng phòng, tránh; khuyến khích nhà trường, cơ sở giáo dục tăng cường xã hội hóa, phối hợp với gia đình học sinh tổ chức dạy bơi cho học sinh trong và ngoài nhà trường.

- Đẩy mạnh hợp tác, vận động hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân trong thực hiện Kế hoạch.

- Đề xuất, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, dừng cảm cứu đuối nước...

IV. Kinh phí: Các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thị xã, thành phố, nhà trường và các cơ sở giáo dục chủ động bố trí ngân sách được cấp năm 2022 và các nguồn kinh phí xã hội hóa hợp pháp tổ chức triển khai.

V. Tổ chức thực hiện

Các nhà trường, cơ sở giáo dục: Bám sát các nội dung Kế hoạch, xây dựng kế hoạch của đơn vị, tổ chức thực hiện kịp thời. Báo cáo kết quả triển khai về Phòng Giáo dục và Đào tạo (đ/c Tám) trước ngày 30/11/2022.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo PGD;
- Các cơ sở giáo dục trong huyện;
- Lưu: VT, CTTT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
P. TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thị Tĩnh